

BẢN TIN

# PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Quý I - 2024

BỘ CÔNG THƯƠNG  
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI



Phân tích kết luận vụ việc  
Úc rà soát cuối kỳ thuế  
chống bán phá giá đối  
với sản phẩm Amoni Nitrate  
nhập khẩu từ Trung Quốc,  
Thụy Điển và Thái Lan

Thách thức đối với ngành mía đường Việt  
Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Hoa Kỳ khởi xướng rà soát hành chính về  
chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp,  
tháng 3/2024



## BỘ CÔNG THƯƠNG CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Cục Phòng vệ thương mại là tổ chức thuộc Bộ Công Thương, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phòng vệ thương mại, bao gồm các lĩnh vực chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ; chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

Với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Quyết định số 2639/QĐ-BCT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Cục Phòng vệ thương mại hoạt động nhằm hỗ trợ, giúp các doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ quan có liên quan của Việt Nam hiểu rõ hơn về các biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt là kinh nghiệm trong việc chuẩn bị, ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại do nước ngoài áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cũng như việc Việt Nam áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng nhập khẩu bảo vệ sản xuất trong nước.

# Mục lục

- 4** “Điều tra nối tiếp” - công cụ điều tra mới của Hoa Kỳ trong các vụ việc chống bán phá giá, vụ việc chống trợ cấp và các biện pháp đối kháng
- 8** Thách thức đối với ngành mía đường Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế
- 12** Phân tích kết luận vụ việc Úc rà soát cuối kỳ thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm Amoni Nitrate nhập khẩu từ Trung Quốc, Thụy Điển và Thái Lan
- 22** Mười bốn nước thành viên đề đơn yêu cầu EU khởi xướng điều tra gia hạn biện pháp tự vệ đối với một số sản phẩm thép
- 27** Hoa Kỳ khởi xướng rà soát hành chính về chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp, tháng 3/2024

*Phát hành 1 số/Quý*

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN**

Trịnh Anh Tuấn

*Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại*

**Tổ chức sản xuất và phát hành**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO (CIEW)**

23 Ngô Quyền - Hà Nội

ĐT: (024) 3939 3422 - Fax: (024) 7303 7897

---

*Ban Biên tập Bản tin Phòng vệ thương mại xin trân trọng cảm ơn và nghiêm túc tiếp thu ý kiến đóng góp của độc giả nhằm nâng cao chất lượng của Bản tin. Mọi ý kiến đóng góp, thư từ, tin, bài xin gửi về:*

**Ban Biên tập Bản tin Phòng vệ thương mại**

23 Ngô Quyền - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (024) 73037898 - Fax: (024) 7303 7897 - Email: ciew@moit.gov.vn

*Lưu ý: Các phân tích đánh giá trong các bài viết phản ánh quan điểm của cá nhân tác giả, không nhất thiết phản ánh quan điểm, đánh giá của Cục Phòng vệ thương mại*





**“Điều tra nối tiếp” – công cụ điều tra mới của Hoa Kỳ trong các vụ việc chống bán phá giá, vụ việc chống trợ cấp và các biện pháp đối kháng**

Xung đột thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc bắt đầu từ cuối tháng 3 năm 2018 khi Tổng thống Mỹ Donald Trump tuyên bố đánh thuế 50 tỷ USD đối với hàng hóa Trung Quốc xuất khẩu vào Hoa Kỳ nhằm ngăn chặn những hành vi thương mại không công bằng theo quan điểm của Hoa Kỳ. Cho đến nay, sự leo thang căng thẳng trong quan hệ thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới đã vượt qua biên giới hai nước, tác động mạnh mẽ tới nền kinh tế toàn cầu.

Cùng với đó, Hoa Kỳ liên tục đưa ra những đề xuất mới về những công cụ phòng vệ thương mại (PVTM) chưa từng có trước đây trong hệ thống pháp luật PVTM Hoa Kỳ và trong hệ thống WTO. Một trong những công cụ đó là “điều tra nổi tiếp” đối với các vụ việc chống bán phá giá (AD), vụ việc chống trợ cấp và các biện pháp đối kháng (CVD).

#### **Điều tra nổi tiếp – công cụ củng cố luật AD và CVD của Hoa Kỳ**

Tháng 4 năm 2021, Thượng nghị sĩ Sherrod Brown, Đảng Dân chủ và Thượng nghị sĩ Rob Portman, Đảng Cộng hòa, bang Ohio đã giới thiệu Dự thảo Đạo luật Loại bỏ biến dạng thị trường toàn cầu để bảo vệ việc làm của Hoa Kỳ. Dự luật này nhấn mạnh trọng tâm hiện tại của Quốc hội Hoa Kỳ trong việc ngăn chặn hàng hóa nhập khẩu, chống lại các hành vi thương mại không công bằng được cho là bắt nguồn từ Trung Quốc nhưng hầu hết quy định tại dự luật đều là những điều chỉnh và cụ thể hóa về một số công cụ PVTM được áp dụng chung cho tất cả các quốc gia. Dự luật này sẽ củng cố luật thuế AD và CVD của Hoa Kỳ.

Bắt nguồn từ thực tiễn gần đây, một số ngành sản xuất công nghiệp nội địa Hoa Kỳ liên tục đưa ra quan ngại về xu hướng gia tăng nhập khẩu các hàng hóa tương tự từ các quốc gia thứ ba không phải là đối tượng bị áp dụng các biện pháp thuế PVTM ban đầu. Đã có một số trường hợp, sau khi biện pháp AD và/hoặc CVD được áp dụng đối với một loại hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ Trung Quốc, các nước thứ ba bắt đầu xuất khẩu cùng loại hàng hóa đó sang Hoa Kỳ để bù đắp khoảng trống mà Trung Quốc để lại. Một loạt các ngành sản xuất công nghiệp nội địa Hoa Kỳ lập luận rằng sự gia tăng nhập khẩu từ các nước thứ ba là kết quả của việc các nhà sản xuất và xuất khẩu Trung Quốc chuyển hoạt động sản xuất và xuất khẩu sang các nước thứ ba nhằm lẩn tránh thuế AD/CVD. Ngành sản xuất nội địa Hoa Kỳ đã đưa ra kiến nghị điều tra nổi tiếp vụ việc AD/CVD mới đối với sản phẩm xuất khẩu sang Hoa Kỳ từ các nước thứ ba đó.

Dự luật được đề xuất tìm cách thiết lập một quy trình để giải quyết vấn đề mới này bằng cách ủy quyền cho Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) và Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ (ITC) tiến hành “các cuộc điều tra nổi tiếp”. Các cuộc điều tra nổi tiếp sẽ là những cuộc điều tra được bắt đầu sau khi cuộc điều tra AD/CVD gốc được khởi xướng hoặc vừa kết thúc (trong vòng hai năm kể từ thời điểm ITC kết luận khẳng định thiệt hại của ngành sản xuất trong nước) đối với cùng một loại hàng hóa nhập khẩu hoặc hàng hóa tương tự từ một quốc gia khác. Trong cuộc điều tra nổi tiếp, ITC có nghĩa vụ phải giải thích và đưa vào hồ sơ các kết quả xác định

thiệt hại trước đó và đánh giá một số phát hiện nhất định liên quan đến điều kiện và hiệu quả hoạt động của ngành sản xuất trong nước trong vụ việc điều tra gốc đã được khởi xướng hoặc đã ban hành kết luận trước đó. Khi đưa ra quyết định về thiệt hại, ITC sẽ không thể đưa ra kết luận tiêu cực nếu ngành sản xuất trong nước đã không còn thiệt hại hoặc những chỉ số sản xuất kinh doanh của ngành sản xuất trong nước đã được cải thiện sau khi biện pháp AD/CVD gốc có hiệu lực. Tuy nhiên, để đảm bảo rằng các cuộc điều tra nổi tiếp sẽ được kết thúc nhanh chóng, dự luật đề xuất hạn chế khả năng gia hạn thời gian điều tra đối với các bên liên quan.

#### **Bản chất của điều tra nổi tiếp trong các vụ việc AD/CVD**

Khái niệm về cuộc điều tra nổi tiếp là một nội dung mới, chưa từng được đề cập trước đây trong các văn bản pháp luật của Hoa Kỳ. Ngoài ra, hệ thống pháp luật PVTM của WTO cũng không quy định về nội dung này. Điều tra nổi tiếp sẽ là những cuộc điều tra được bắt đầu sau khi cuộc điều tra AD/CVD gốc được khởi xướng hoặc vừa kết thúc (trong vòng hai năm kể từ thời điểm ITC kết luận khẳng định thiệt hại của ngành sản xuất trong nước) đối với cùng một loại hàng hóa nhập khẩu hoặc hàng hóa tương tự từ một quốc gia khác.

Bản chất của việc áp dụng quy định điều tra nổi tiếp trong vụ việc AD/CVD chính là việc sử dụng lặp lại ngay biện pháp AD/CVD gốc hoặc áp dụng các chuỗi biện pháp AD/CVD đối với các loại hàng hóa nhập khẩu cùng loại. Việc này sẽ giúp hệ thống pháp luật về PVTM của



Hoa Kỳ ứng phó tốt hơn với các hành vi vi phạm nhiều lần hay hành vi gian lận (dịch chuyển sản xuất sang nước khác hoặc tìm cách lẩn tránh các lệnh áp thuế). Ngoài ra, ngành sản xuất trong nước của Hoa Kỳ cũng sẽ không phải nộp lại đơn kiện nhiều lần để ITC đánh giá thiệt hại cho dù họ đã thành công trong các vụ kiện AD/CVD trước đó đang có hiệu lực.

#### **Quy định về điều tra, xác định hành vi AD/CVD trong điều tra nối tiếp**

Dự luật vẫn yêu cầu DOC phải tiến hành điều tra theo đúng quy trình, thủ tục, yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành. Mặc dù chưa đưa ra mốc thời gian khi tiếp nhận đơn đề nghị khởi xướng điều tra nối tiếp

nhưng các mốc ban hành quyết định sơ bộ/chính thức của DOC vẫn được giữ tương tự cuộc điều tra thông thường.

Tuy nhiên, dự luật quy định chặt chẽ hơn về yêu cầu gia hạn thời gian điều tra khi chỉ cho nguyên đơn được phép gửi đề nghị. Điều này sẽ giúp ngành sản xuất trong nước của Hoa Kỳ có thể nhận được kết quả điều tra nhanh hơn trong cuộc điều tra nối tiếp.

#### **Quy định về điều tra, xác định thiệt hại trong điều tra nối tiếp**

Hiện nay, nội dung về thiệt hại đáng kể theo pháp luật PVTM của Hoa Kỳ được quy định tại khoản 7 Điều 771 Đạo luật Thương mại 1930 với nhiều tiêu chí đánh giá thiệt hại trong

một vụ việc chống bán phá giá hoặc/và chống trợ cấp.

Theo dự luật, khi xác định thiệt hại trong các cuộc điều tra nối tiếp ITC sẽ không xem xét các tiêu chí về thiệt hại như Hiệp định chống bán phá giá hay Hiệp định trợ cấp và các biện pháp đối kháng mà xem xét 04 nội dung sau:

(1) lượng hàng hóa nhập khẩu bị điều tra trong cuộc điều tra nối tiếp có thay thế cho lượng nhập khẩu bị điều tra trong vụ việc trước đó hay không, bất kể tổng lượng nhập khẩu tăng hay giảm.

(2) liệu các hàng nhập khẩu trong cuộc điều tra nối tiếp có đang được bán ở mức giá sẽ ngăn cản ngành sản xuất trong nước khôi phục giá ở mức có thể giúp ngành này giảm bớt thiệt hại hay không.

(3) liệu ngành sản xuất trong nước sẽ tiếp tục bị thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể hoặc bị ảnh hưởng kết quả tài chính do hàng nhập khẩu bị điều tra trong vụ việc trước đó gây ra.

(4) liệu hiệu quả của việc khắc phục hậu quả của lệnh áp thuế chống trợ cấp hoặc chống bán phá giá có bị làm suy yếu khi có một cuộc điều tra đồng thời hoặc mới kết thúc hay không.

Căn cứ các tiêu chí trên, để xuất cho rằng ITC có thể dễ dàng hơn trong việc đánh giá tác động cộng gộp của hàng hóa nhập khẩu được trợ cấp/bán phá giá tới ngành sản xuất trong nước.

Có thể thấy, với dự luật này, điều kiện về thiệt hại đáng kể và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi bán phá giá/trợ cấp sẽ được giảm bớt, tạo điều kiện thuận lợi cho Cơ quan có thẩm quyền ban hành các quyết định áp dụng biện pháp nối tiếp. Như vậy, có



thể coi các cuộc điều tra nối tiếp là sự mở rộng pháp vi áp dụng của biện pháp.

Vấn đề pháp lý đặt ra với các quy định này như sau:

(i) Đây là các quy định mới, không phù hợp với các quy định, nguyên tắc trong Hiệp định Chống bán phá giá (ADA), Hiệp định trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM) và Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) khi hàng hóa chỉ bị áp dụng biện pháp sau khi cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu tiến hành điều tra theo quy trình, thủ tục và yêu cầu tại các hiệp định có liên quan của WTO.

(ii) Việc đánh giá 04 tiêu chí thiệt hại theo dự luật được thực hiện dựa trên các kết luận về thiệt hại của vụ việc trước đó (có thể cách thời điểm xem xét 02 năm) dẫn đến việc đánh giá thiệt hại có thể không đảm bảo tính cập nhật.

(iii) Bên cạnh đó, việc xem xét mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại đáng kể với hành vi bán phá giá/trợ cấp trong vụ việc nối tiếp cần có sự phân tách với vụ việc trước đó để tránh việc áp dụng biện pháp vượt quá mức cần thiết để bù đắp thiệt hại cho ngành sản xuất.

(iv) Về vấn đề hàng hóa tương tự (“like product”) theo quy định của WTO: điểm đáng lưu ý trong dự luật này là phạm vi hàng hóa bị điều tra của vụ việc nối tiếp không phải là chính sản phẩm bị điều tra trong vụ việc AD/CVD gốc trước đó mà là một sản phẩm cùng dòng (same class or kind) và cũng không được xem là hàng hóa tương tự. Dự luật quy định việc xem xét tính thay thế lẫn nhau của phạm vi hàng hóa bị điều tra trong các vụ việc nối tiếp tại tiêu chí đầu

tiên đánh giá thiệt hại dẫn đến phạm vi hàng hóa bị điều tra trong các vụ việc nối tiếp có thể có sự khác biệt tương đối so với vụ việc ban đầu. Hệ quả là các phân tích đánh giá về thiệt hại của vụ việc AD/CVD nối tiếp trở nên thiếu căn cứ.

#### **Quy định về điều kiện/quy trình khởi xướng điều tra, ban hành kết luận đối với cuộc điều tra AD/CVD nối tiếp**

Để tạo cơ sở pháp lý triển khai các cuộc điều tra nối tiếp, dự luật cũng trao thẩm quyền cho DOC có thể khởi xướng điều tra về hành vi AD/CVD.

Tuy dự luật chưa đưa ra các mốc thời gian trong quá trình tiến khởi xướng nhưng đã đưa ra đề xuất các mốc thời điểm ban hành kết luận sơ bộ và kết luận cuối cùng của cuộc điều tra nối tiếp có sự khác biệt đáng kể như sau:

Kết luận sơ bộ: 85 ngày kể từ ngày khởi xướng.

Kết luận cuối cùng: 75 ngày kể từ ngày ban hành kết luận sơ bộ.

Gia hạn điều tra: chỉ có nguyên đơn mới được yêu cầu gia hạn điều tra.

#### **Tác động dự kiến đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ**

Việt Nam nằm trong nhóm có thặng dư thương mại đáng kể với Hoa Kỳ (đứng thứ 03 chỉ sau Trung Quốc và Mê-hi-cô). Số liệu trên cho thấy hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng lớn, sức cạnh tranh tốt so với các nước trên thế giới khi xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Tuy nhiên, sự cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam cũng gây áp lực cho các ngành sản xuất nội địa của Hoa Kỳ, buộc chính quyền

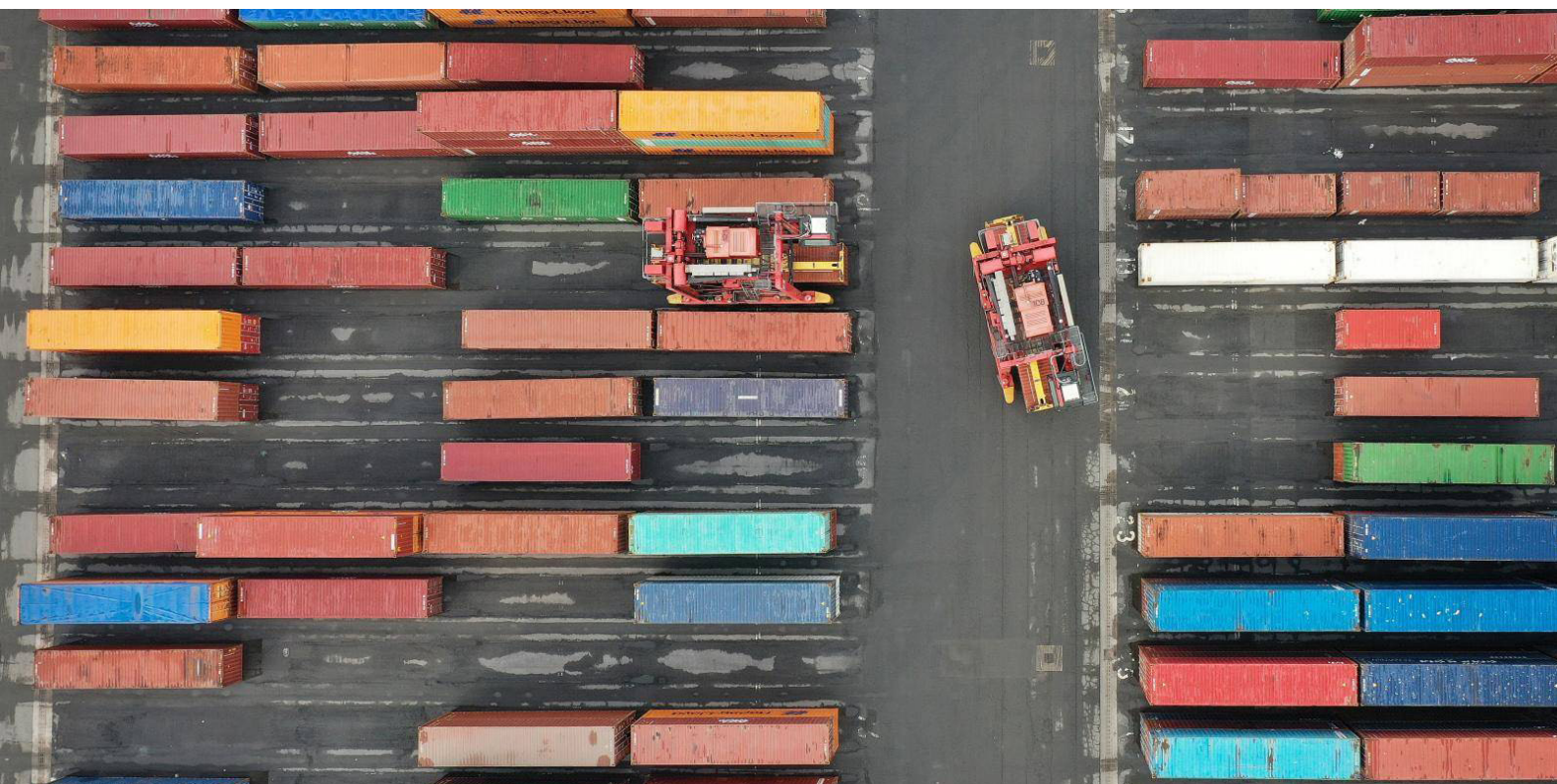
Hoa Kỳ phải tìm kiếm các giải pháp để hạn chế nhập khẩu, ví dụ như điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM, Điều 301 và Điều 232 của Đạo luật thương mại, Đạo luật chống lao động cưỡng bức....

Theo thống kê của WTO, Hoa Kỳ hiện là nước đứng đầu trên thế giới về việc điều tra và áp dụng các biện pháp PVTM để bảo hộ ngành sản xuất nội địa và cũng là nước điều tra, áp dụng nhiều biện pháp PVTM nhất với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam. Đến nay, Hoa Kỳ đã tiến hành điều tra 62 vụ việc PVTM trên tổng số 249 vụ việc nước ngoài điều tra với Việt Nam (chiếm gần 25%), gồm: 27 vụ việc chống bán phá giá, 10 vụ việc chống trợ cấp, 22 vụ việc chống lẩn tránh thuế PVTM và 03 vụ việc tự vệ.

Việc Hoa Kỳ xây dựng các quy định về cuộc điều tra nối tiếp như trong dự luật sẽ tạo ra nguy cơ lớn đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam trong các vụ việc PVTM. Theo thống kê, khoảng 70% các biện pháp PVTM mà Hoa Kỳ điều tra với hàng xuất khẩu Việt Nam đều đã áp dụng với nước thứ ba trước đó.

**PHAN KHÁNH AN**





# **Thách thức đối với ngành mía đường Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế**



Ngành sản xuất, chế biến mía đường của Việt Nam bắt đầu hình thành và phát triển từ năm 1990. Qua hơn 30 năm hình thành và phát triển, ngành mía đường đã có những nỗ lực đáng kể trong việc đầu tư, nâng cao công suất và chất lượng đường. Từ một nước phải nhập khẩu một khối lượng đường khá lớn để đáp ứng nhu cầu thị trường, đến nay ngành mía đường cơ bản đã sản xuất đáp ứng một phần đáng kể nhu cầu về nguyên liệu sản xuất và tiêu dùng trong nước.

Bên cạnh đó, ngành đường cũng được Chính phủ đặc biệt quan tâm và giành nhiều ưu đãi. Trong cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đường là một trong bốn mặt hàng được Việt Nam bảo lưu việc

duy trì áp dụng biện pháp hạn ngạch thuế quan để kiểm soát hợp lý lượng nhập khẩu. Trong hầu hết các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, Việt Nam không cam kết mở cửa thị trường đối với mặt hàng đường.

Quá trình thực thi Hiệp định ATIGA, đường là mặt hàng có thời hạn cắt giảm thuế lâu nhất, thậm chí Việt Nam còn lùi thời hạn cắt giảm thuế đối với mặt hàng đường thêm 2 năm so với cam kết ban đầu.<sup>1</sup> Như vậy, phải đến năm 2020, Việt Nam mới chính thức thực thi Hiệp định ATIGA đối với sản phẩm đường.

<sup>1</sup> Việt Nam chính thức thực thi Hiệp định ATIGA đối với sản phẩm đường vào năm 2020, hoãn 2 năm so với cam kết ban đầu vào năm 2018

Trước năm 2020, thời điểm Việt Nam chưa thực thi Hiệp định ATIGA đối với sản phẩm đường, lượng đường nhập khẩu chủ yếu là đường thô, được nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan. Đến năm 2020 – thời điểm Việt Nam thực thi Hiệp định ATIGA đối với sản phẩm đường, đường có xuất xứ Thái Lan nhập khẩu gia tăng nhanh chóng. Trong đó, đường tinh luyện RS và RE tăng gấp 13 lần so với năm 2019. Tổng lượng đường nhập khẩu trong năm 2020 là xấp xỉ 1,3 triệu tấn, thậm chí còn cao hơn tổng sản lượng sản xuất đường tất cả các nhà máy trong nước (xấp xỉ 1 triệu tấn) trong niên vụ 2019/2020.

<sup>2</sup> Biện pháp PVTM tạm thời được áp dụng từ tháng 3 năm 2021

**Diễn biến nhập khẩu đường Thái Lan từ năm 2016 đến 2023 (đơn vị: tấn)**

Khoản mục	2016	2017	2018	2019	2020	2021 <sup>2</sup>	2022	2023
Đường thô	153.941	54.066	144.890	237.550	489.567	164.024	46.000	91.246
Đường RS - RE			69.412	61.688	798.422	185.026	68.747	59.201
TỔNG	153.941	54.066	214.303	299.238	1.287.989	349.050	114.747	150.447

Đây là giai đoạn đánh dấu thời kỳ khó khăn của ngành sản xuất đường trong nước, các nhà máy liên tục đóng cửa do không thể cạnh tranh với đường giá rẻ xuất xứ từ Thái Lan cũng như không thể duy trì nguồn mía nguyên liệu do người dân chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Theo thống kê của Hiệp hội Mía Đường Việt Nam, vụ sản xuất 22/23 trong nước chỉ còn 25 nhà máy còn hoạt động trên tổng số hơn 40 nhà máy.

Kể từ sau khi biện pháp chống bán phá giá, chống trợ

cấp đối với đường từ Thái Lan có hiệu lực, lượng đường nhập khẩu xuất xứ từ Thái Lan đã giảm đáng kể xuống chỉ còn xấp xỉ 350 nghìn tấn. Trên thực tế, ngay từ thời điểm ban hành quyết định điều tra vào tháng 9 năm 2020, đường xuất xứ Thái Lan nhập khẩu đã có xu hướng giảm rõ rệt do lo ngại việc áp thuế khiến giá đường Thái Lan tăng giá. Trong năm 2022, lượng đường Thái Lan nhập khẩu giảm chỉ còn 115 nghìn tấn, sang đến năm 2023 lượng đường thô nhập khẩu có tăng hơn so với năm 2022, tuy

nhưng tổng lượng nhập khẩu so với giai đoạn trước khi áp dụng biện pháp PVTM cũng thấp hơn rất nhiều.

Tương tự đường Thái Lan, do thuế nhập khẩu đường theo Hiệp định ATIGA giảm xuống 5% kể từ 2020, 05 quốc gia bao gồm Lào, Indonesia, Malaysia, Myanmar và Campuchia đã gia tăng xuất khẩu đường sang Việt Nam, trong đó chủ yếu là đường đã tinh luyện RS và RE. Năm 2021 khi đường Thái Lan bị áp dụng biện pháp PVTM, đường từ 05 các quốc gia nêu trên đã

gia tăng lên xấp xỉ 906 nghìn tấn. Xét tổng thể, dòng chảy đường nhập khẩu đã chuyển từ Thái Lan sang 05 quốc gia ASEAN.

#### Diễn biến nhập khẩu đường 05 nước ASEAN từ 2016 đến 2023 (đơn vị: tấn)

Khoản mục	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022 <sup>3</sup>	2023
Đường thô	343	9.974	22.192	29.416	30.854	81.588	16.066	25.692
Đường RS - RE			1.346	25	210.721	824.690	742.255	268.990
<b>TỔNG</b>	<b>343</b>	<b>9.974</b>	<b>23.538</b>	<b>29.441</b>	<b>241.575</b>	<b>906.278</b>	<b>758.321</b>	<b>294.682</b>

3 Biện pháp chống lẫn tránh biện pháp PVTM được áp dụng từ 01/8/2022

Ngoài vấn đề nêu trên, do vị trí địa lý nằm sát biên giới Lào và Campuchia (cũng là hai quốc gia có biên giới với Thái Lan), đường nhập lậu từ Thái Lan qua Lào và Campuchia để vào Việt Nam đã gây nhức nhối trong một thời gian dài. Theo báo cáo của Hiệp hội Mía Đường Việt Nam, hàng năm ước tính có khoảng 300.000 - 600.000 tấn đường nhập lậu và gian lận thương mại đi vào thị trường nước ta và rất khó để kiểm soát do đây là mặt hàng dễ vận chuyển.

#### TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA NGÀNH SẢN XUẤT ĐƯỜNG TRONG NƯỚC

Khác với các sản phẩm công nghiệp khác, sản xuất

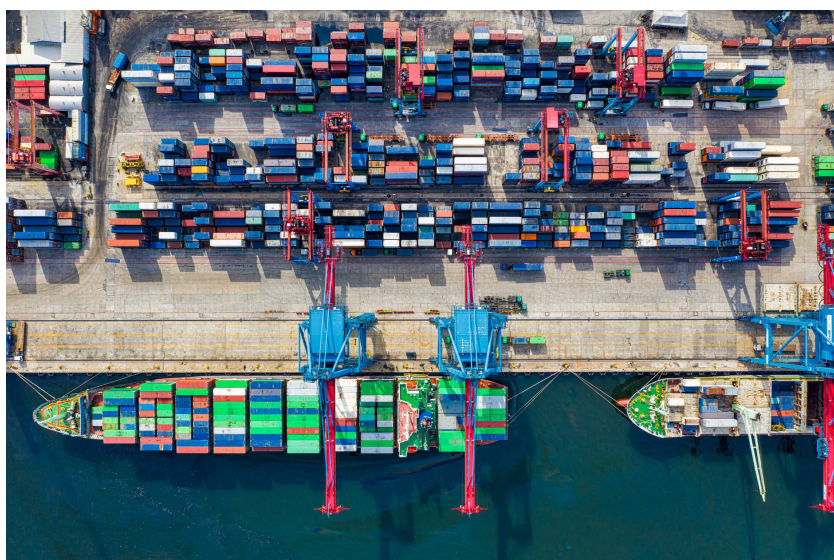
đường mang tính mùa vụ. Tại Việt Nam, đa số các nhà máy chỉ sản xuất trong giai đoạn từ tháng 10 năm trước đến tháng 6 năm sau do phụ thuộc vào thời điểm thu hoạch cây mía (gọi là vụ sản xuất). Lượng đường sản xuất trong nước thấp hơn đáng kể tổng nhu cầu sử dụng nên đa số đường sản xuất sẽ được bán hết trong năm.

Do các nhà máy đường phụ thuộc chủ yếu vào cây mía, nên bên cạnh khó khăn đến từ sức ép của hàng hóa nhập khẩu từ Thái Lan và các nước ASEAN, ngành đường còn gặp khó khăn do thiếu nguyên liệu mía trong nước. Niên vụ 2021 – 2022, một số nhà máy mía vùng Đồng bằng sông Cửu Long chỉ hoạt động sản

xuất 1-2 tháng do người nông dân chuyển đổi mục đích canh tác đất, không tiếp tục trồng mía. Trên thực tế, nếu có nguồn nguyên liệu mía đủ lớn, ngành sản xuất mía trong nước có thể hoạt động hết công suất để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước.

Hầu hết vùng trồng mía lớn trên cả nước hiện nay đều nằm ở các tỉnh có kinh tế còn kém phát triển, đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn so với các địa phương khác trong cả nước như: Sơn La, Tuyên Quang, Cao Bằng, Thanh Hóa, Nghệ An, Phú Yên, Gia Lai, Trà Vinh, Sóc Trăng. Khi giá đường giảm sẽ kéo theo giá thu mua mía cũng giảm theo và đời sống người nông dân trồng mía đã khó khăn sẽ càng thêm khó khăn hơn.

Kể từ khi áp dụng các biện pháp PVTM, niên vụ sản xuất 2022/2023, theo Hiệp hội Mía Đường Việt Nam sản lượng sản xuất đường đạt xấp xỉ 941 nghìn tấn, tăng hơn 30% so với niên vụ trước. Sản lượng ép mía tăng 37% đạt hơn 9,5 triệu tấn mía. Cũng theo báo cáo của Hiệp hội Mía Đường Việt Nam, dự kiến trong niên vụ 2023/2024, sản lượng sản xuất sẽ tiếp tục tăng nhanh, ước đạt hơn 1,1 triệu tấn.





*Sản lượng và tổng nhu cầu tiêu dùng đường trong nước (đơn vị: tấn)*

Khoản mục	Niên vụ 16/17	Niên vụ 17/18	Niên vụ 18/19	Niên vụ 19/20	Niên vụ 20/21 <sup>4</sup>	Niên vụ 21/22	Niên vụ 22/23	Niên vụ 23/24
Sản lượng	1.071.091	1.271.874	1.036.836	829.540	689.830	746.899	941.373	1.100.000
Tổng nhu cầu tiêu dùng	2.138.380	2.203.982	1.964.398	2.138.558	2.130.000	2.140.000	2.300.000	2.300.000

4 Niên vụ 20/21 và 21/22 là thời điểm bắt đầu điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM đối với sản phẩm đường

Lượng đường sản xuất trong nước niên vụ 22/23 đã tăng 26% so với niên vụ trước và tăng hơn 36% so với niên vụ 20/21 khi Bộ Công Thương bắt đầu tiến hành điều tra biện pháp CBPG, CTC đối với đường Thái Lan. Nhờ có biện pháp PVTM được áp dụng, ngành sản xuất trong nước đã tăng dần sản lượng, lượng bán hàng, qua đó dần chiếm lại thị phần. Trong niên vụ 22/23, thị phần ngành sản xuất trong nước đã xấp xỉ 40,9%, cao hơn nhiều thị phần đường xuất xứ Thái Lan và 05 nước ASEAN, ở mức lần lượt 3,6% và 20,6%. Bước vào vụ ép 2023/2024, ngành đường đón nhận nhiều tín hiệu khả quan khi niên vụ 2022/2023 gặt hái được nhiều tín hiệu tích cực do hiệu quả của các biện pháp PVTM mang lại. Giá đường đã được giữ tương đối ổn định từ 20.000 – 21.000 đồng/kg đã tạo điều kiện để giúp giá thu mua mía tăng lên từ 1.000.0000 – 1.300.000 đồng/tấn.

Có thể thấy việc áp dụng biện pháp PVTM đối với sản phẩm đường phù hợp với quy định pháp luật của Việt Nam và quốc tế là rất cần thiết và đã mang lại hiệu quả tích cực đối với ngành sản xuất trong nước, người nông dân trồng mía cũng như giải quyết được nhiều vấn đề an sinh, xã hội tại các tỉnh thành có khu vực trồng mía. Việc bảo

vệ ngành sản xuất trong nước và giúp ngành sản xuất mía đường của Việt Nam khắc phục được những thiệt hại nặng nề do hàng nhập khẩu cạnh tranh không công bằng từ Thái Lan gây ra trong giai đoạn 2020-2021 là hoàn toàn đúng đắn.

Tuy nhiên, chỉ riêng các biện pháp PVTM không thể giải quyết được hết những vấn đề của ngành mía đường và thị trường đường. Vì vậy, từ năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 28/CT-TTg về triển khai các giải pháp phát triển ngành mía đường trong tình hình mới, trong đó yêu cầu các bộ ngành, địa phương, Hiệp hội Mía Đường và các doanh nghiệp mía đường tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp quan trọng và giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị. Trong thời gian tới đây, để ngành mía đường phát triển bền vững và có thể nâng cao năng lực cạnh tranh hơn nữa cần những giải pháp mang tính căn cơ và lâu dài:

- Để có mía chất lượng, năng suất cao, việc nghiên cứu, lai tạo và chuyển giao giống tốt có năng suất, chất lượng cao cũng như các tiến bộ kỹ thuật về canh tác mía có vị trí quan trọng hàng đầu lúc này. Đồng thời với giải pháp này, việc đẩy mạnh cơ giới hóa từ khâu làm đất, chăm sóc, thu

hoạch... giảm tổn thất sau thu hoạch; thực hiện quy trình thâm canh theo chiều sâu từ làm đất, chăm sóc, thu hoạch là rất cần thiết.

- Cùng với những cải tổ trong trồng trọt, đa dạng hóa sản phẩm, tổ chức chế biến các sản phẩm sau đường và bên cạnh đường là một lợi thế để ngành đường tiếp tục đầu tư phát triển. Các nhà máy cần tập trung đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ để tăng tỷ lệ đường tinh luyện, đa dạng sản phẩm đường như đường nước, đường hữu cơ...; tận dụng tối đa phụ phẩm sau chế biến như sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ bã bùn, điện từ bã mía, cồn từ rỉ mật. Kinh nghiệm tại các quốc gia có ngành mía đường phát triển hiện nay như Brazil, Thái Lan, Mỹ, Ấn Độ, Mexico... đều cho thấy, để tồn tại và phát triển bền vững, ngành mía đường phải chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt là cân đối nhịp nhàng giữa việc sản xuất đường và cồn ethanol. Việc đưa xăng sinh học E5 vào sử dụng đại trà là cơ hội rất tốt cho ngành mía đường Việt Nam hiện nay.



**Phân tích kết luận vụ việc Úc rà soát  
cuối kỳ thuế chống bán phá giá đối  
với sản phẩm Amoni Nitrate nhập  
khẩu từ Trung Quốc, Thụy Điển và  
Thái Lan**



## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ VỤ VIỆC

Vụ việc rà soát cuối kỳ lần 1 tại Úc được thực hiện theo đề nghị của ngành sản xuất trong nước yêu cầu tiếp tục áp dụng biện pháp sau 5 năm kể từ khi biện pháp gốc được áp dụng. Cứ mỗi 5 năm áp dụng, ngành sản xuất trong nước có quyền đề nghị tiếp tục áp dụng biện pháp thông qua việc nộp các hồ sơ với các nội dung luật định. Vụ việc rà soát cuối kỳ lần 1 đối với sản phẩm Amoni Nitrate nhập khẩu từ Trung Quốc, Thụy Điển và Thái Lan có mã vụ việc là 629.

Biện pháp chống bán phá giá (CBPG) ban đầu được áp dụng từ ngày 29 tháng 5 năm 2019 (mã vụ việc là 473). Biện pháp được áp dụng dưới dạng thuế CBPG và kết thúc vào 03 tháng 6 năm 2024 nếu không có đề nghị bằng văn bản của ngành sản xuất trong nước, hoặc không được Úc gia hạn thông qua một cuộc điều tra rà soát cuối kỳ hoặc Úc, thông qua việc điều tra rà soát cuối kỳ, kết luận rằng không có nguy cơ tái diễn hành vi bán phá giá hoặc thiệt hại của ngành sản xuất trong nước và không cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp thuế CBPG.

Vụ việc 629 được khởi xướng vào ngày 28 tháng 6 năm 2023 và tiến hành thu thập dữ liệu điều tra trong giai đoạn từ 01/4/2022 tới 31/3/2023. Hồ sơ yêu cầu điều tra được nộp bởi các công ty TNHH CSBP, công ty TNHH Orica Úc, công ty TNHH Queensland Nitrates và công ty TNHH Châu Á – Thái Bình Dương Dyno Nobel. Ủy ban Chống bán phá giá Úc (ADC) đã có thông báo việc khởi xướng này vào ngày 28 tháng 6 năm 2023 theo Thông báo Chống

bán phá giá (AND) số 2023/038. Ngày 23 tháng 4 năm 2024, ADC ban hành báo cáo kết luận chính thức đối với vụ việc.

ADC là Cơ quan điều tra CBPG Úc, tham mưu cho Ủy viên về việc tiến hành điều tra, tuân thủ theo quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ADC tại Mục 269SMD của Đạo luật thuế quan 1901.

## 2. NỘI DUNG VÀ PHÂN TÍCH KẾT LUẬN ĐIỀU TRA RÀ SOÁT

Đối với vụ việc rà soát cuối kỳ, ADC cần đánh giá khả năng tái diễn hành vi bán phá giá hoặc tái diễn thiệt hại nếu chấm dứt biện pháp đang có hiệu lực. Để làm được việc này, ADC phải tiến hành một quy trình điều tra tương đối phức tạp, có thể nói là không kém phức tạp hơn một vụ việc điều tra CBPG thông thường. Theo đó ADC cũng sẽ gửi đi các bản câu hỏi điều tra, nhận thông tin và phân tích thông tin trả lời từ các bên liên quan, bao gồm các nhà xuất khẩu, các nhà sản xuất trong nước và nhà nhập khẩu. Các nội dung này sẽ phải được thể hiện một cách rõ ràng cùng với các bằng chứng chứng minh cho quyết định của ADC, dù là quyết định kiến nghị Bộ trưởng tiếp tục hoặc chấm dứt biện pháp. Các nội dung trong kết luận điều tra trong vụ việc 629 của ADC được mô tả và phân tích dưới đây:

### 2.1. Kết luận về hàng hóa bị điều tra, hàng hóa tương tự và ngành sản xuất nội địa Úc

ADC kết luận rằng hàng hóa được sản xuất trong nước có tính chất “tương tự” như hàng hóa đang bị áp dụng biện pháp CBPG; có tồn tại ngành sản xuất trong nước của Úc cấu thành người nộp đơn và cũng là

nhà sản xuất hàng hóa tương tự trong nước. Hàng hóa tương tự này được sản xuất toàn bộ hoặc chủ yếu tại Úc.

Đây là một nội dung quan trọng trong bất kỳ kết luận nào. ADC buộc phải xác định và mô tả được cái gọi là ngành sản xuất trong nước và hàng hóa tương tự với hàng hóa đang bị áp thuế CBPG và bị rà soát để xem xét có cần thiết tiếp tục áp dụng thuế CBPG hay không. Nếu như 2 loại hàng hóa này là tương tự và có thể thay thế cho nhau thì việc rà soát mới có ý nghĩa. Nếu không đủ rằng có tiếp tục áp thuế CBPG, hàng hóa đang được sản xuất bởi ngành sản xuất nội địa Úc cũng không được bảo vệ đúng theo ý nghĩa của biện pháp CBPG.

Hàng hóa tương tự với hàng hóa bị điều tra rà soát được định nghĩa tại Mục 269T(1) như sau: “Hàng hóa mang tất cả các đặc điểm của hàng hóa bị điều tra rà soát hoặc mặc dù mang tất cả các đặc điểm, cũng mang hầu hết các tính chất của hàng hóa bị điều tra rà soát”. Các định nghĩa này dù được luật hóa nhưng khá định tính do thể hiện tinh thần của một hiệp định hơn là một văn bản quy phạm pháp luật. Để giảm tính định tính của quy định, Úc đã thể hiện việc định tính hàng hóa tương tự bằng việc mô hình hóa các tiêu chí đánh giá bao gồm sự tương tự về tính chất lý tính, sự tương tự về tính chất thương mại, sự tương tự về công năng và sự tương tự trong sản xuất.

Như đã nêu trên, việc xác định hàng hóa tương tự là rất quan trọng. Từ đó, ADC sẽ xác định có tồn tại của ngành sản xuất hàng hóa tương tự - chính là mục tiêu cần được bảo vệ. Để chứng minh được điều này, ADC

phải chứng minh được hàng hóa tương tự được sản xuất bởi các nhà sản xuất Úc, tức là được sản xuất toàn bộ hoặc một phần trọng yếu (được hiểu là từ 50% trở lên) trên lãnh thổ Úc (Mục 269T(2)). Hoặc xem xét ở một góc độ khác, ít nhất một quy trình quan trọng trong sản xuất hàng hóa tương tự được thực hiện trên lãnh thổ Úc. Đây là cũng là một quy định tương đối khác biệt của Úc so với pháp luật Việt Nam hiện nay do Việt Nam chưa có quy định về hình thức này khi xác định hàng hóa tương tự hoặc ngành sản xuất hàng hóa tương tự.

Tiếp đó, ADC sẽ xác định hàng hóa bị điều tra rà soát. Trong vụ việc này hàng hóa bị điều tra rà soát được mô tả như sau: Amoni nitrat, dạng hạt hoặc ở dạng rắn khác, có hoặc không có chất phụ gia hoặc lớp phủ, đóng gói trên 10kg. Hàng hóa này được nhập khẩu vào Úc và được phân loại theo mã nhập khẩu 3102.30.00, mã số liệu 05, Chương 3 của Đạo luật Thuế Hải quan 1995. Mã HS nhập khẩu hài hòa theo Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) chỉ bao gồm 6 chữ số là 3102.30, các chữ số tiếp theo sẽ chi tiết hóa thêm các đặc tính của hàng hóa nhập khẩu vào Úc.

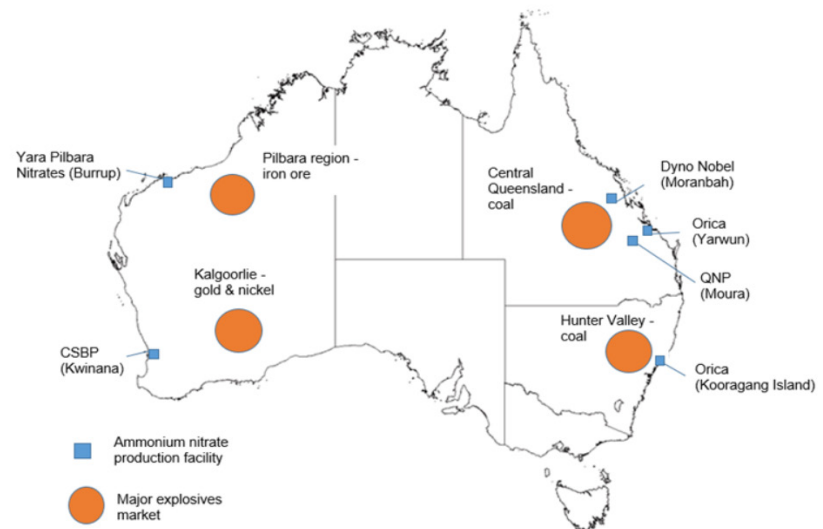
Trong vụ việc này, ADC kết luận rằng các đặc tính vật lý chính của amoni nitrate được sản xuất tại Úc giống với các đặc tính vật lý chính của hàng hóa nhập khẩu mà không phụ thuộc và các chi tiết kỹ thuật khác nhau của sản phẩm. Tại thị trường Úc, hai sản phẩm tương tự với nhau cạnh tranh trực tiếp và gián tiếp với nhau, hướng tới cùng một đối tượng khác hàng sử dụng và có các đặc điểm thương mại tương đồng. Về tính năng sử dụng, hai sản phẩm này có thể thay thế

cho nhau và cùng có mục đích sử dụng cuối giống nhau. Cuối cùng, việc sản xuất hai sản phẩm này có sự tương đồng do sử dụng cùng một quy trình sản xuất và vật liệu đầu vào chính.

## 2.2. Kết luận về thị trường Úc

ADC kết luận rằng ngành sản xuất nội địa có khả năng cung ứng cho phần lớn nhu cầu của thị trường Úc (khoảng 95% tổng cầu). Phần nhỏ còn lại được cung cấp bởi hàng hóa nhập khẩu. Như vậy, vai trò của hàng hóa nhập khẩu được xác định là

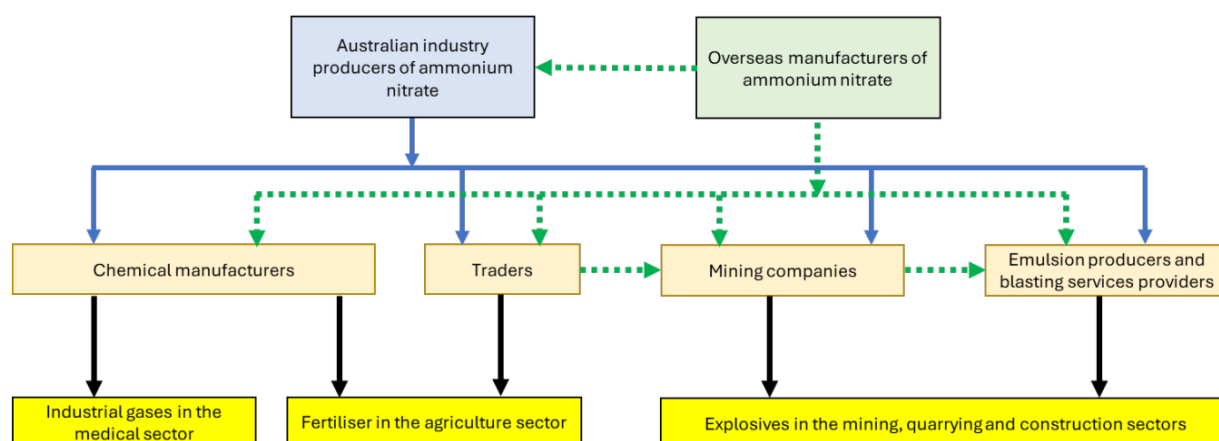
cần thiết để đáp ứng phần thiếu hụt mà ngành sản xuất nội địa không có khả năng đáp ứng. Việc thiếu hụt này đến từ nhiều yếu tố như là đóng cửa nhà máy, các vấn đề khách quan trong sản xuất... ADC cho rằng có sự biến động trong nguồn nhập khẩu từ 0,3% tới 15% mỗi quý trong giai đoạn 03/2013 và 03/2023. Thị phần trung bình của hàng hóa nhập khẩu trong giai đoạn này chiếm khoảng 5% tổng cầu tại Úc và các nước xuất xứ của hàng hóa nhập khẩu không cố định, có sự thay đổi nguồn cung theo các thời kỳ.



Biểu đồ: Thị trường amoni nitrate tại Úc

Cấu trúc thị trường amoni nitrate cũng có nhiều điểm đặc biệt do đây được coi là một sản phẩm nguy hiểm được sử dụng trong việc chế tạo thuốc súng, bên cạnh việc có thể dùng để chế tạo phân bón trong nông nghiệp. Do vậy, kênh phân phối mặt hàng này, bao gồm việc bán và sử dụng do ngành công nghiệp khai khoáng chi phối. Việc bán hàng chủ yếu theo các hợp đồng điều khoản cố định trong giai đoạn 2 – 5 năm. Việc mua hàng hóa ngoài các thỏa thuận hợp đồng bị coi là giao dịch chợ đen. Các giao dịch theo hợp đồng thường được thỏa thuận theo một mức giá cơ bản, có các quy định về việc tăng giảm giá. Giá cơ bản được đàm phán dựa trên một số tiêu chí thương mại, bao gồm cả giá chào từ các nguồn cung ứng thay thế.





Biểu đồ: Cấu trúc thị trường và kênh phân phối tại Úc

### 2.3. Kết luận về các yếu tố kinh tế của ngành sản xuất nội địa

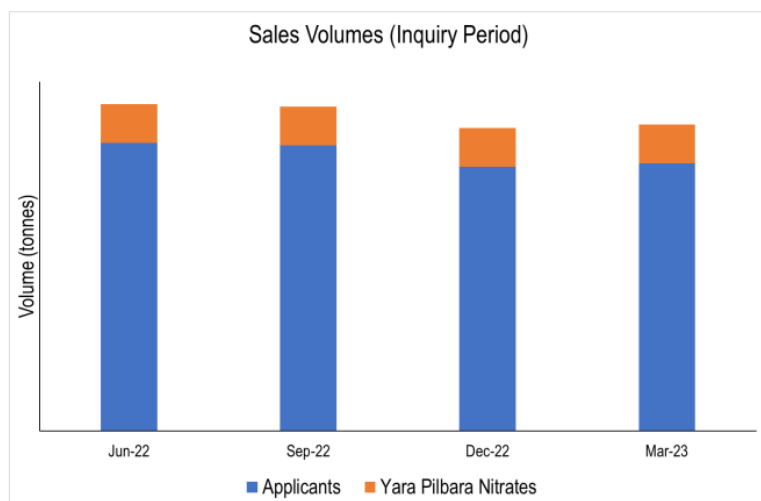
ADC kết luận rằng ngành sản xuất nội địa Úc nhìn chung đã có sự gia tăng về lượng và thị phần kể từ khi biện pháp thuế CBPG được áp dụng từ năm 2019. Thời gian đánh giá số liệu này từ 01/4/2017 tới 30/3/2023 và dựa trên các thông tin được cung cấp bởi ngành sản xuất trong nước, các tờ khai hải quan về hàng hóa nhập khẩu. Hầu hết các kết luận liên quan tới 4 thành viên của ngành sản xuất trong đã cùng nộp Hồ sơ để nghị kéo

dài hiệu lực của biện pháp. Tuy nhiên, việc đánh giá việc bán hàng, thị phần, hiệu suất sử dụng công suất cũng được tiến hành với một thành viên thứ 5 khác không tham gia nộp Hồ sơ – đó là Yara Pilbara Nitrates – công ty chiếm tới 12% tổng sản lượng hàng hóa tương tự sản xuất tại Úc.

Từ phương án tiếp cận đó, ADC đã tiến hành giải quyết một loạt các vấn đề về sản lượng, lượng bán hàng, kim giá, lợi nhuận của ngành sản xuất nội địa.

Đối với tác động về lượng, ADC chỉ ra rằng ngành sản xuất nội địa đã duy trì được việc bán hàng ở mức cao và gia tăng thị phần kể từ khi áp dụng biện pháp. Các số liệu cho thấy việc bán hàng của ngành sản xuất trong nước đã chạm đỉnh vào năm 2020, so với giai đoạn 2017 – 2023. Mức bán hàng quý tại thời kỳ điều tra thiệt hại cũng được xem xét bởi ADC và các con số chỉ rằng ngành sản xuất nội địa bị sụt giảm lượng bán hàng trong quý từ tháng 9 đến tháng 12 của năm 2022, trước khi tăng nhẹ vào quý 1 năm 2023.

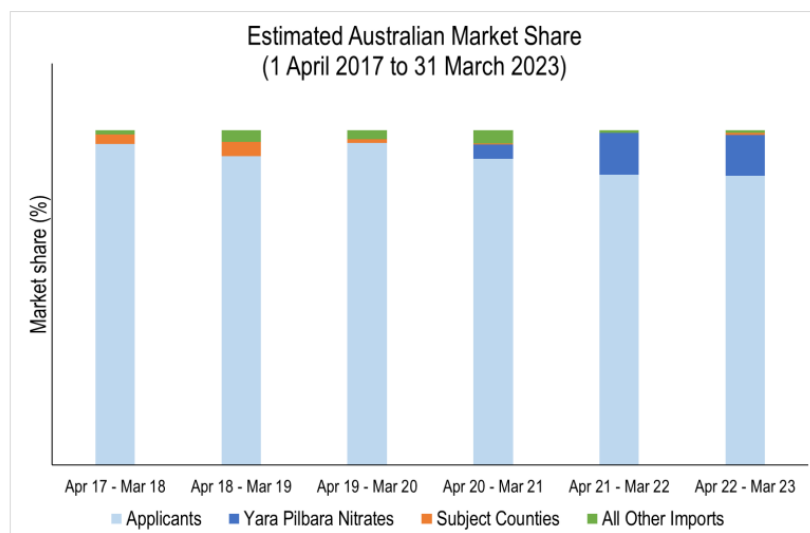




*Biểu đồ: Lượng bán hàng tại Úc*

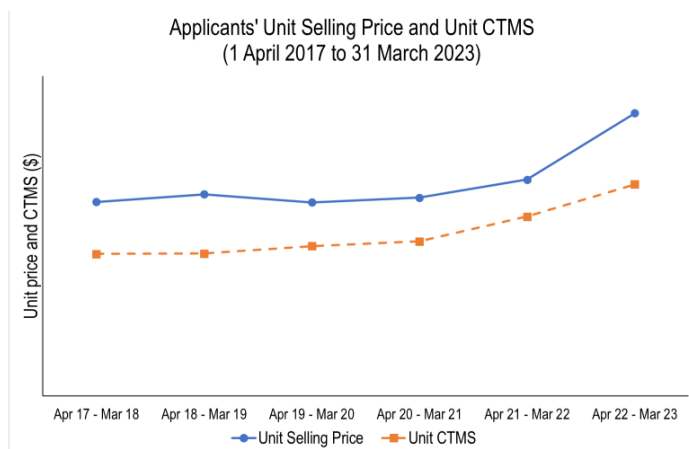
Về thị phần, ADC chỉ ra rằng thị phần chủ yếu được nắm giữ bởi ngành sản xuất nội địa chứ không phải hàng hóa nhập khẩu trong giai đoạn từ 01/4/2027 tới 31/3/2023. Các số liệu về ngành được ADC chia thành 2 phân khúc, một dựa trên dữ liệu báo cáo của nhóm nguyên đơn, một dựa trên đánh giá của ADC đối với Yara Pilbara Nitrates. Các phân tích này cho thấy ngành sản xuất nội địa đã cung ứng và chiếm một tỷ lệ thị phần trọng yếu kể từ 2018. Thị phần bị sụt giảm sau 2020 do các công ty nội địa không thể sản xuất đầy đủ công suất thiết kế. Số liệu cũng chỉ ra rằng thị phần của các nhà xuất khẩu từ các nước bị điều tra suy giảm từ mức 4% tại thời điểm tháng 4 năm 2018 tới tháng 3 năm 2023 về 0% sau khi thuế CBPG được áp dụng. Trong số các nước bị điều tra, nhập khẩu từ Thái Lan có tăng nhẹ lên 0,6% trong giai đoạn điều tra từ tháng 4 năm 2022 tới tháng 3 năm 2023. Thị phần nhập khẩu từ các nước không bị thuế có sự gia tăng. Sự suy giảm về thị phần của ngành sản xuất trong nước phù hợp với xu hướng tăng từ các nước không bị điều tra và áp dụng thuế CBPG.

một công ty giảm giá bán vì một số lý do nào đó, khiến các công ty khác không thể tăng giá bán tương ứng. Hoạt động này thường được sử dụng bởi các công ty lớn, có vị trí thống lĩnh và ngăn cản các công ty nhỏ hơn khác thâm nhập thị trường hoặc gia tăng thị phần có thể đe dọa vị trí thống lĩnh của công ty lớn. Kìm giá diễn ra khi khi giá bán không thể tăng theo tự nhiên, phù hợp với mức tăng của các yếu tố cấu thành giá khác như là chi phí sản xuất. Dù bất kỳ hình thức nào, việc bị ép giá và/hoặc kìm giá phải được chứng minh rằng xuất phát từ nguyên nhân sự tồn tại của hàng hóa nhập khẩu, chứ không phải các nguyên nhân khách quan hay chủ quan khác. Việc xác định tác động giá, cũng giống như tác động lượng, chỉ có giá trị trong thời kỳ điều tra, tức là mang tính thời điểm, không phản ánh giai đoạn trước hoặc sau thời kỳ điều tra, không có giá trị suy diễn trong các thời kỳ khác ngoài thời kỳ điều tra.

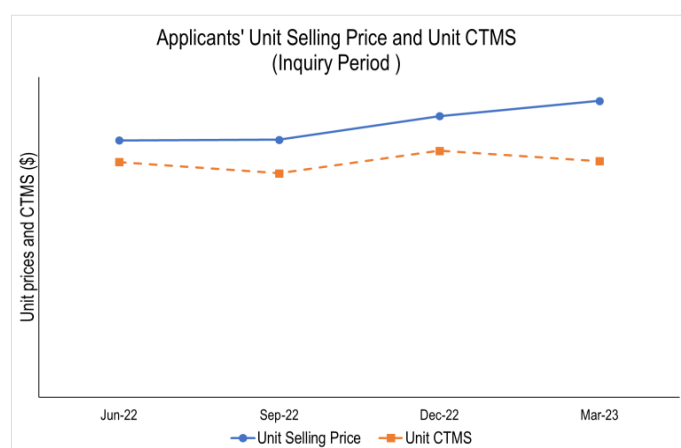


*Biểu đồ: Thị phần ước tính tại Úc*

Đối với tác động về giá, ADC xem xét tình hình kìm giá và ép giá của hàng nhập khẩu với hàng hóa tương tự. Ép giá diễn ra khi

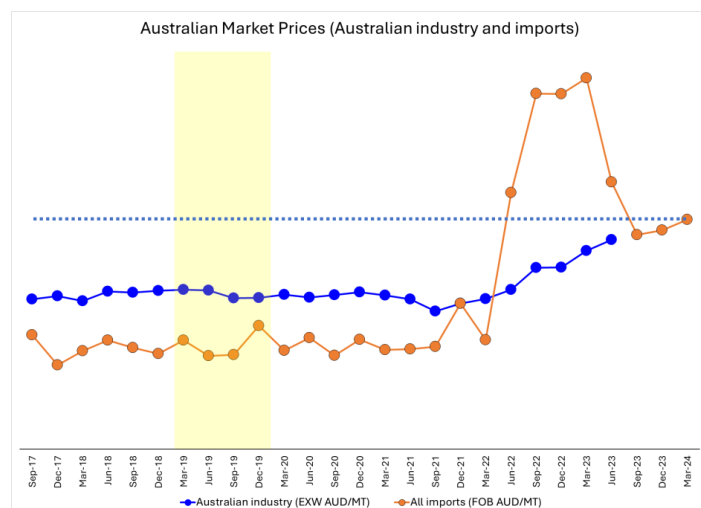


*Biểu đồ: Giá bán theo đơn vị của nguyên đơn và CTMS trong giai đoạn 01/4/2017 – 31/3/2023*



*Biểu đồ: Giá bán theo đơn vị của nguyên đơn và CTMS trong giai đoạn điều tra*

Giá của nguyên đơn được theo dõi từ tháng 4 năm 2017 và đã có sự gia tăng chung, với mức gia tăng lớn nhất trong thời kỳ điều tra. Chi phí cũng được xác định có sự gia tăng. Biên độ được mở rộng một lần nữa khi giá tăng trong các năm 2017 – 2023. Trong thời kỳ điều tra giá tăng nhanh hơn mức tăng của chi phí.



*Biểu đồ: Giá bán tại thị trường Úc (AUD/MT)*

ADC tìm thấy bằng chứng về sự suy giảm chung ở yếu tố lợi nhuận và khả năng sinh lời của nguyên đơn trong giai đoạn từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 3 năm 2022. Thời điểm kết thúc tháng 3 năm 2023, cả hai chỉ số này gia tăng, và được duy trì trong toàn bộ thời kỳ điều tra.

Các yếu tố kinh tế khác cũng được xem xét trong bức tranh chung về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước. Năng lực sản xuất tiếp tục được mở rộng trong thời gian 6 năm. Sự gia nhập thị trường của Yara Pilbara Nitrates bổ sung thêm 350 ngàn tấn trong đầu năm 2021 nhưng vẫn chưa khai thác hết toàn bộ công suất thiết kế tới tận nửa sau năm 2021. Hiệu số sử dụng công suất trung bình của ngành sản xuất nội địa Úc trong giai đoạn 2017/18 tới 2022/23 duy trì mở rộng ở mức khoảng 90%. Đây là một con số lớn so với các vụ việc điều tra PVTM. Trong rất nhiều vụ việc, ngành sản xuất nội địa của nước nhập khẩu do bị các tác động về lượng, giá dẫn tới hiệu suất sử dụng công suất chỉ đạt dưới 50%, thậm chí dưới 30%.

## 2.4. Kết luận về khả năng tái diễn hành vi bán phá giá và thiệt hại đáng kể

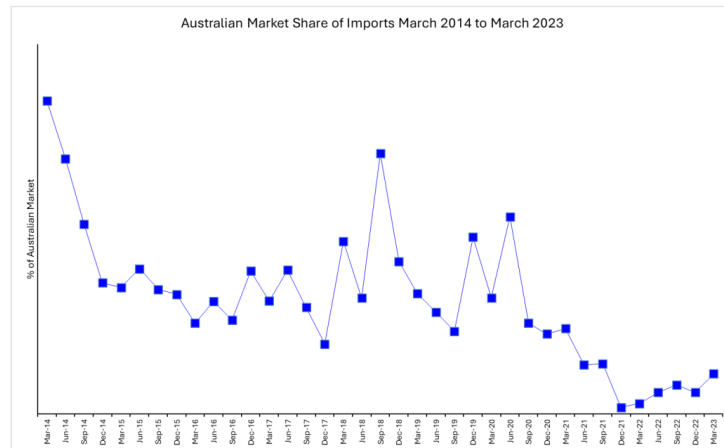
ADC tiếp cận vấn đề này dựa trên việc xem xét các yếu tố đánh giá về khả năng tái diễn hành vi bán phá giá và thiệt hại đáng kể. Các yếu tố đánh giá bán phá giá có thể kể tới như sau: mẫu hàng xuất khẩu kể từ khi biện pháp được áp dụng, lượng và giá trị của hàng hóa nhập khẩu, hiệu quả của biện pháp, liệu hàng hóa xuất khẩu có tiếp tục hoặc tái diễn hoặc duy trì (như là lượng xuất khẩu trước và sau khi biện pháp được áp dụng, khả năng sản xuất của nhà xuất khẩu,



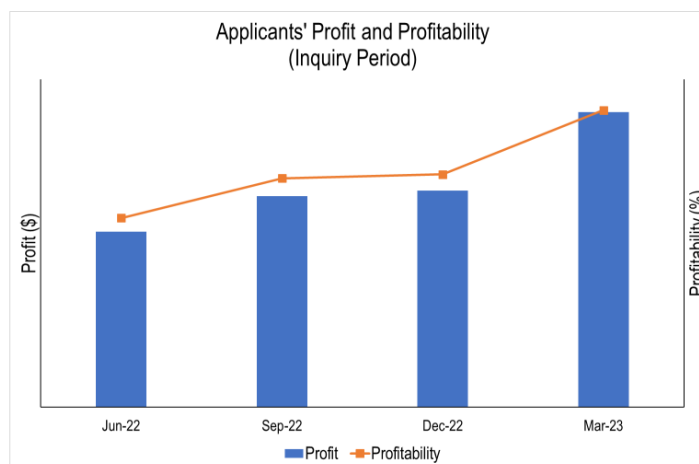
chuỗi cung ứng của nhà xuất khẩu, các thị trường khác của nhà xuất khẩu, bán hàng sang nước thứ ba và thị trường thế giới), liệu hành vi bán phá giá có thể tiếp tục (như là biên độ bán phá giá của nhà xuất khẩu, lượng xuất khẩu trước và sau khi biện pháp được áp dụng, tác động của biện pháp, mức độ bán phá giá so với mức độ của biện pháp, như là NIP, sự thay đổi về mức độ của biện pháp theo kết quả của cuộc rà soát), sự biến động tỷ giá, sự thay đổi về công nghệ, biên độ bán phá giá lịch sử, lượng và giá trị xuất khẩu lịch sử, việc bóp méo tác động của thuế (một cách giải nghĩa khác của lẫn tránh thuế), lượng và giá trị xuất khẩu sang nước thứ ba, giá trị thông thường tại nước xuất khẩu, xu hướng xuất khẩu sau khi biện pháp được áp dụng, các kênh phân phối thay đổi như thế nào, các kênh vận chuyển thay đổi như thế nào, nhu cầu tại thị trường nội địa của nước xuất khẩu, bằng chứng về bán dưới giá thành, biên độ bán phá giá cao, thuế cao tại nước xuất khẩu, sự độc lập của nhà xuất khẩu tại thị trường xuất khẩu, năng lực sản xuất toàn cầu, các nguồn cung ứng khác của nhà nhập khẩu, thị hiếu của người tiêu dùng cuối cùng, lợi nhuận nội địa của nhà xuất khẩu, sự sẵn sàng của các thị trường khác.

Đối với thiệt hại, ADC xem xét tình trạng của ngành sản xuất Úc, khả năng sản xuất, các nguyên nhân của thiệt hại, dung lượng thị trường và thị phần, nhu cầu hàng hóa, các thay đổi về cấu trúc và vận hành kể từ khi biện pháp được áp dụng, giá của hàng xuất khẩu so với NIP và USP, các biện pháp liên quan tới giá bán, tác động của nhập khẩu của hàng hóa không bán phá giá từ các

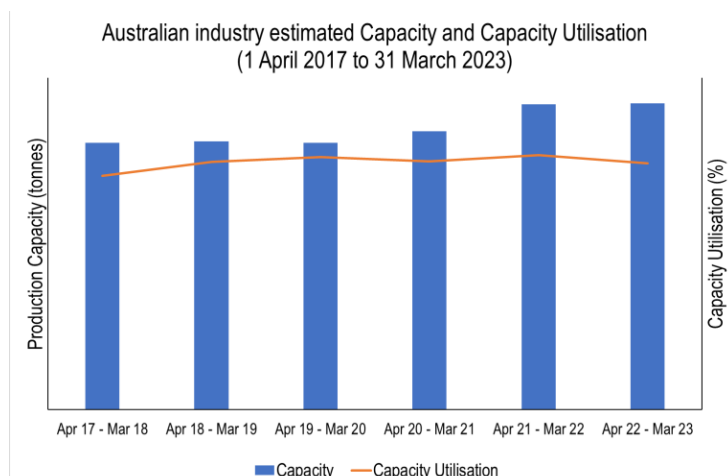
nguồn khác, sự thay đổi về công nghệ, loại sản phẩm, thị hiếu tiêu dùng, cung và cầu thị trường. Danh sách này đã bao gồm nhưng không bị giới hạn và không có bất kỳ yếu tố nào mang tính quyết định. Việc xem xét có hay không khả năng tái diễn phải đặt trong bối cảnh tổng thể các yếu tố được xem xét.



Biểu đồ: Thị phần của hàng hóa nhập khẩu vào Úc



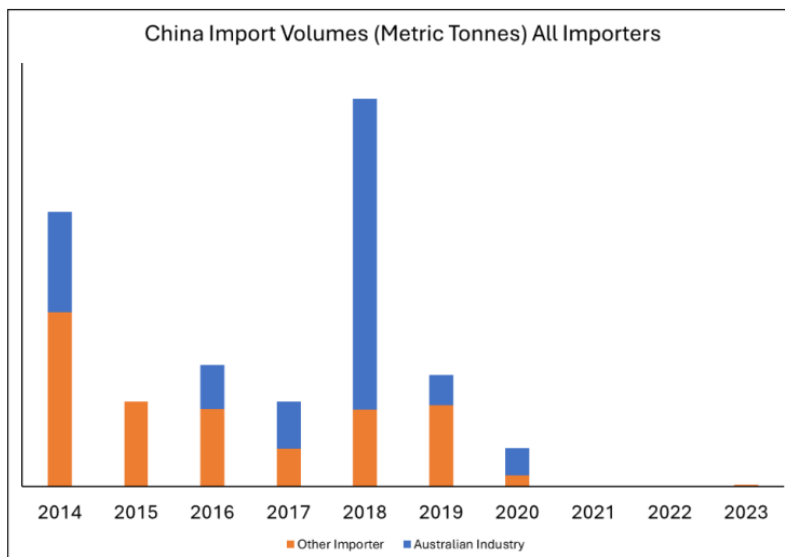
Biểu đồ: Lợi nhuận của nguyên đơn và tỷ suất lợi nhuận trong giai đoạn điều tra



Biểu đồ: Ngành sản xuất nội địa Úc qua đánh giá về công suất và hiệu suất sử dụng công suất

Các nước bị điều tra lần lượt được đánh giá dựa trên các tiêu chí và thông tin sẵn có. Cụ thể như sau:

Đối với Trung Quốc: Lượng nhập khẩu từ Trung Quốc tục xuất hiện trong giai đoạn ban đầu sau khi biện pháp thuế được áp dụng nhưng đã sụt giảm trong 2020 và biến mất khỏi thị trường từ 2021 và cuối 2023. Không còn tồn tại hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc trong giai đoạn điều tra mặc dù hàng hóa này chỉ phải chịu mức thuế 0,3%. Sự sụt giảm hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc phản ánh sự sụt giảm của Trung Quốc trên toàn bộ thị trường xuất khẩu của nước này. Đây là kết quả của các biện pháp hạn chế xuất khẩu được ban hành bởi Chính phủ Trung Quốc. Ngay cả khi lượng nhập khẩu của Trung Quốc bị ảnh hưởng bởi chính sách hạn chế xuất khẩu, một lượng hàng hóa Trung Quốc đã vào Úc trong giai đoạn cuối 2023 và đầu 2024. Lượng nhập khẩu vào Úc tại 2 thời kỳ này vào khoảng 0,3% tổng lượng nhập khẩu trong giai đoạn điều tra giữa tháng 3 năm 2023 và đầu tháng 1 năm 2024. Mặc dù lượng xuất khẩu từ Trung Quốc tại thị trường Úc không còn trong một thời gian dài, và có sự hạn chế xuất khẩu của chính phủ Trung Quốc, sự tái xuất khẩu hiện nay dẫn tới việc ADC cho rằng có khả năng tái diễn nhập khẩu vào Úc. Tuy nhiên các số liệu phân tích giá lại chỉ ra rằng hàng hóa xuất khẩu từ Trung Quốc không bán phá giá và dường như không có khả năng tiếp diễn hành vi phá giá. Cũng như vậy, ngành sản xuất nội địa Úc không có khả năng bị tiếp diễn thiệt hại do tiếp diễn hành vi bán phá giá của hàng hóa Trung Quốc.



*Biểu đồ: Lượng nhập khẩu từ Trung Quốc*

Đối với Thụy Điển: Lượng nhập khẩu từ Thụy Điển dường như không tiếp diễn bởi bởi các nhà xuất khẩu Thụy Điển không còn duy trì kênh phân phối với thị trường Úc.

Đối với Thái Lan: Mặc dù sự tiếp diễn xuất khẩu từ Thái Lan có dấu hiệu tiếp tục bán phá giá, lượng hàng này lại không dẫn tới nguy cơ tiếp diễn thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất nội địa Úc dẫn tới lượng bán hàng thấp, thị phần thấp, giá bán thấp và lợi nhuận thấp. Chỉ có duy nhất một nhà xuất khẩu Thái Lan là Thai Nitrate, tiếp tục duy trì kênh phân phối với thị trường Úc và tiếp tục bán hàng tại Úc với mức thuế là 4,8%. Các nhà xuất khẩu Thái Lan đã sản xuất vượt công suất thiết kế nên không có nguy cơ tấn công thị trường Úc. ADC đánh giá rằng thị phần tại Úc của hàng hóa nhập khẩu từ Thái Lan chỉ chiếm tối đa 1% tổng thị phần. Đây là được coi là mức tối đa vì Thai Nitrate không thể hi sinh các giao dịch có lợi nhuận tại thị trường nội địa truyền thống. ADC đánh giá khả năng tiềm tàng của hàng Thái và cho rằng không thể có tác động nào khác dẫn tới thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất nội địa Úc, theo các tiêu chí về giá bán, lượng bán, lợi nhuận và lợi nhuận bị mất. Thị trường Úc nhờ vào hàng hóa nhập khẩu để bù đắp cho thiếu hụt nguồn cung. Khi hàng hóa nhập từ các nước khác giảm, hàng hóa từ Thái tiếp tục duy trì.

Căn cứ các phân tích nêu trên, ADC kiến nghị Bộ trưởng quyết định không tiến hành các bước tiếp theo để duy trì biện pháp CBPG dưới dạng thuế đối với amoni nitrate xuất khẩu tới Úc từ Trung Quốc, Thụy Điển và Thái Lan. ADC khuyến nghị rằng việc áp dụng thuế nên kết thúc vào ngày 03 tháng 6 năm 2024. Đây là khuyến nghị được đưa ra theo quy định tại Mục 269ZHF(1)(a)(iv).

Kiến nghị của ADC, phù hợp với tiểu mục 269ZHF(2) dựa trên cơ sở kết luận của Ủy viên Ủy ban rằng việc chấm dứt biện pháp CBPG với amoni nitrate xuất khẩu tới Úc từ Trung Quốc, Thụy Điển và Thái Lan không dẫn tới hoặc không có khả năng dẫn tiếp diễn, tái diễn hành vi bán phá giá và thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước đang được bảo vệ.

## 2.5. Một số lưu ý với Việt Nam

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, Ủy ban chống bán phá giá Úc (ADC) đã thông báo khởi xướng điều tra chống bán phá giá (CBPG) đối với sản phẩm hợp chất Amoni nitrat có xuất xứ từ Chile, Lithuania và Việt Nam. Hàng hóa bị điều tra: là hợp chất amoni nitrat ở thể rắn, ở dạng viên hoặc hạt hoặc các hình dạng rắn khác, có hoặc không có chất phụ gia và chất phủ, được đóng kiện trên 10kg. Tại Úc, hợp chất này chủ yếu được sử dụng làm nguyên liệu để điều chế thuốc nổ dùng trong ngành khai thác và xây dựng, ngoài ra cũng được sử dụng để sản xuất phân bón trong nông nghiệp, và một phần nhỏ để sản xuất khí y tế đặc biệt. Đây là hợp chất dễ gây nổ, được phân loại là nhóm hàng nguy hiểm tại Úc và được phân loại

trong Danh mục sản xuất có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất tại Việt Nam<sup>1</sup>. Phân loại theo mã HS theo Bản câu hỏi điều tra: 3102.30.00. Thời kỳ điều tra bán phá giá: từ 01/4/2021 đến 31/3/2022. Thời kỳ điều tra thiệt hại: từ 01/4/2018. Doanh nghiệp được nêu tên trong Hồ sơ yêu cầu điều tra: Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ (MICCO), là công ty con thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam. Biên độ bán phá giá cáo buộc do ADC ước tính: với Việt Nam là 34,8%; Lithuania là 36,6% và Chile là 38,5%.

Nguyên đơn cáo buộc rằng ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại đáng kể bởi amoni nitrat

<sup>1</sup> Phụ lục IV: “Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất”, đính kèm Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

nhập khẩu từ Chile, Lithuania và Việt Nam kể từ năm 2018 sau khi Úc điều tra CBPG đối với amoni nitrat có xuất xứ từ Thụy Điển, Trung Quốc và Thái Lan. Úc đã áp thuế CBPG với Trung Quốc (0,3%), Thái Lan (13,5%) và Thụy Điển (14,4%) từ năm 2019. Theo thống kê của Trademap, kể từ thời điểm bị áp thuế vào năm 2019, Thụy Điển và Thái Lan không còn xuất khẩu amoni nitrat sang Úc.

Ngoài ra, 3 nước bị điều tra trong vụ việc này (gồm Lithuania, Việt Nam và Chile) thuộc nhóm 5 nước xuất khẩu amoni nitrat lớn nhất vào thị trường Úc với thị phần xuất khẩu năm 2021 lần lượt là 29,61%; 22,68% và 10,53%. Tình hình nhập khẩu amoni nitrat của Úc trong giai đoạn 2018-2021 được thể hiện tại Bảng dưới đây:

**Bảng: Tình hình nhập khẩu amoni nitrat vào Úc trong giai đoạn 2018-2021**

Nước xuất khẩu	Lượng (tấn)				Giá trị (triệu USD)				Thị phần xuất khẩu năm 2021
	2018	2019	2020	2021	2018	2019	2020	2021	
Lithuania	18.668	24.717	31.581	21.100	7,84	6,30	10,77	7,07	29,61%
Việt Nam		6.700	38.520	16.160	-	2,56	12,13	5,07	22,68%
Indonesia	8.000	18.018	42.400	13.612	3,01	6,52	16,88	4,93	19,10%
Ukraine			3.600	9.810	-	-	0,76	3,01	13,77%
Chile	23.062	24.324	10.960	7.500	6,39	6,69	3,34	2,19	10,53%
Các nước khác	159.617	81.246	21.004	3.069	51,41	24,40	6,49	1,08	4,31%
Tổng	209.347	155.005	148.065	71.251	68,65	46,46	50,36	23,36	100%

Nguồn: Thống kê của trang Trademap.com





Theo ghi nhận của Trademap, Việt Nam bắt đầu xuất khẩu amoni nitrat sang Úc vào năm 2019 với lượng xuất khẩu thay đổi lớn trong giai đoạn 2019-2021 từ 6,7 nghìn tấn năm 2019 lên khoảng 38,6 nghìn tấn năm 2020 (tăng gần 6 lần) và giảm xuống còn khoảng 16,2 nghìn tấn năm 2021, tương đương với kim ngạch xuất khẩu lần lượt là 2,56 triệu USD; 12,13 triệu USD và 5,07 triệu USD. Đây là lần đầu tiên sản phẩm amoni nitrat của Việt Nam bị điều tra PVTM và Úc là đối tác nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với sản phẩm này. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu không lớn nhưng amoni nitrat là hóa chất được sử dụng trong nhiều ngành công nghiệp.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, ADC ban hành Kết luận cuối cùng và chính thức chấm dứt vụ việc. Trong vụ việc này, Việt Nam chỉ có duy nhất doanh nghiệp xuất khẩu liên quan là Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ (MICCO) thuộc Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam. Theo dõi diễn biến vụ việc, người nghiên

cứu nhận thấy Cơ quan Phòng vệ thương mại Việt Nam đã khuyến nghị, tư vấn để MICCO hợp tác đầy đủ, cung cấp các thông tin dữ liệu theo yêu cầu của Cơ quan điều tra Úc, góp phần dẫn tới kết quả tích cực trong vụ việc. Có thể nói các hoạt động điều tra phòng vệ thương mại của Úc là tương đối khách quan, minh bạch, có xem xét đầy đủ các thông tin, dữ liệu do Việt Nam cung cấp, tạo điều kiện để hàng hóa của Việt Nam có cơ hội tiếp tục xuất khẩu vào thị trường Úc.

Tuy nhiên, người nghiên cứu vẫn xem xét nguy cơ bị tái điều tra PVTM đối với sản phẩm này của Việt Nam. Cơ quan PVTM Việt Nam và các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu amoni nitrate sang Úc cần tiếp tục theo sát thị trường và có các phản ứng phù hợp khi ngành sản xuất nội địa Úc có các dấu hiệu suy giảm dẫn tới việc nộp hồ sơ đề nghị điều tra PVTM với sản phẩm này.

### 3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- REP 629 – Amonium nitrate – Trung Quốc, Thụy Điển và Thái Lan
- Phụ lục tài liệu lưu hành hạn chế A, Mục 6.9
- Phụ lục lưu hành hạn chế 1 – 6, Tài liệu về thị trường Úc, tình hình kinh tế Úc, phân tích về mẫu thương mại, dữ liệu về tờ khai hải quan nhập khẩu Trung Quốc, tiêu chuẩn giá amoni nitrate, dữ liệu nguồn của phục lục tài liệu lưu hành hạn chế A.
- Thư phản biện ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Glencore
- Thư phản biện ngày 12 tháng 3 năm 202 của Yara AB
- Thư phản biện ngày ngày 11 tháng 3 năm 2024 của John O'Connor và các công sự đại diện cho ngành sản xuất nội địa Úc.
- Các tuyên bố về chứng cứ sẵn có của ADC ngày 20 tháng 2 năm 2024

**PHÙNG GIA ĐỨC**



**Mười bốn nước thành viên đệ đơn  
yêu cầu EU khởi xướng điều tra gia  
hạn biện pháp tự vệ đối với một số  
sản phẩm thép**



## Phần 1. Tổng quan:

Vào ngày 12 tháng 1 năm 2024, Ủy ban châu Âu (EC) đã nhận được yêu cầu có căn cứ của 14 Quốc gia Thành viên để kiểm tra theo Điều 19 của Quy định (EU) 2015/478<sup>(1)</sup> của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu và Điều 16 của Quy định (EU) 2015/ 755<sup>(2)</sup> của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về các biện pháp tự vệ hiện tại đối với một số sản phẩm thép.

Ủy ban châu Âu sau đó đã quyết định tiến hành cuộc điều tra để đánh giá liệu biện pháp tự vệ hiện đang áp dụng đối với việc nhập khẩu một số sản phẩm thép có nên được kéo dài sau ngày 30 tháng 6 năm 2024 hay không.

Việc khởi xướng tuân theo yêu cầu chính đáng nhận được từ 14 quốc gia thành viên EU. Ủy ban sẽ xác định, theo các quy định của EU và WTO, liệu biện pháp tự vệ có tiếp tục cần thiết để ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng cho ngành thép của EU hay không.

Ủy ban cũng sẽ tích cực liên hệ với những người sử dụng thép ở EU để đánh giá xem liệu việc kéo dài biện pháp này có thể mang lại lợi ích chung cho EU hay không và trong trường hợp kéo dài thì có cần điều chỉnh kỹ thuật đối với biện pháp này hay không.

Cuộc điều tra sẽ kết thúc và đưa ra quyết định trước ngày hết hạn của biện pháp tự vệ hiện tại vào ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Tất cả các bên quan tâm (bao gồm các chính phủ và nhà sản xuất xuất khẩu của nước thứ ba, cũng như người dùng, nhà nhập khẩu và nhà sản xuất ở EU) cần cung cấp thông tin theo bảng hỏi. Ủy ban cũng đã ban hành bảng câu hỏi cho các nhà sản xuất EU để đánh giá tình hình thực tế của họ.

Ủy ban sẽ đánh giá kỹ lưỡng tất cả thông tin nhận được trong quá trình điều tra và sau đó sẽ đưa ra đề xuất để các Quốc gia Thành viên bỏ phiếu. Trong trường hợp có đề xuất kéo dài biện pháp này, việc tham vấn với chính phủ các nước thứ ba cũng sẽ diễn ra sau khi đề xuất đã sẵn sàng.

Theo quy định của WTO, biện pháp tự vệ chỉ có thể được áp dụng trong thời gian tối đa là 8 năm - trong trường hợp biện pháp bảo vệ thép của EU là ngày 30 tháng 6 năm 2026, do đó khả năng gia hạn có thể kéo dài tối đa thêm hai năm nữa.

## Phần 2. Thông tin chi tiết như sau:

Vào ngày 01 tháng 02 năm 2019, Ủy ban Châu Âu (“Ủy ban”) đã áp dụng biện pháp tự vệ cuối cùng đối với một số sản phẩm thép theo Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2019/159(3). Biện pháp hiện đang có hiệu lực bao gồm Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu (“TRQ”), dựa trên kết quả thương mại trong lịch sử, áp dụng cho hàng nhập khẩu vào EU của từng loại trong số 26 loại sản phẩm bao gồm sản phẩm liên quan. Khi số lượng hạn ngạch đã hết, mức thuế bổ sung 25% sẽ

được áp dụng sẽ những mặt hàng nhập khẩu ngoài hạn ngạch.

Biện pháp tự vệ được áp dụng trong thời gian ban đầu là ba năm, tức là đến ngày 30 tháng 6 năm 2021; sau đó được kéo dài đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo kết quả của một cuộc điều tra rà soát (4).

(1) Đơn yêu cầu gia hạn biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm thép

Vào ngày 12 tháng 01 năm 2024, Ủy ban đã nhận được yêu cầu (đơn kiến nghị) có căn cứ của 14 Quốc gia Thành viên để kiểm tra theo Điều 19 của Quy định (EU) 2015/478 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu và Điều 16 của Quy định (EU) 2015/ 755 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liệu biện pháp tự vệ hiện tại có nên được gia hạn hay không.

Đơn yêu cầu có đủ bằng chứng cho thấy rằng biện pháp tự vệ là cần thiết phải được duy trì để ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành thép EU. Đặc biệt, đơn yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến một số chỉ số tổn thương chính và áp lực do nhập khẩu liên tục từ các nước thứ ba gây ra cho ngành thép EU. Ngoài ra còn có các yếu tố chỉ ra thực tế là tình trạng dư thừa công suất toàn cầu vẫn ở mức rất cao; một số biện pháp hạn chế thương mại và biện pháp phòng vệ thương mại có liên quan của các nước thứ ba tiếp tục được áp dụng và không có cơ sở nào cho thấy Mỹ sẽ loại bỏ các biện pháp Mục 232 về thép. Vì vậy, nguy cơ chuyển hướng thương mại từ thị trường Mỹ sang EU

1 Regulation (EU) 2015/478 of the European Parliament and of the Council of 11 March 2015 on common rules

for imports; [OJ L 83, 27.3.2015, p. 16](#).

2 Regulation (EU) 2015/755 of the European Parliament and of the Council of 29 April 2015 on common rules

for imports from certain third countries; [OJ L 123, 19.5.2015, p. 33](#).

3 Commission Implementing Regulation (EU) 2019/159 of 31 January 2019 imposing definitive safeguard

measures against imports of certain steel products; [OJ L 31, 1.2.2019, p.27](#).

4 Commission Implementing Regulation (EU) 2021/1029 of 24 June 2021 amending Commission Implementing Regulation (EU) 2019/159 to prolong the safeguard measure on imports of certain steel products; [OJ L 225 I, 25.6.2021, p.1](#)



vẫn tiếp tục nếu phía Mỹ duy trì các biện pháp phòng vệ thương mại đối với thép trong khi EU thì không. Nếu các biện pháp này được dỡ bỏ, ngành công nghiệp thép của EU sẽ phải đối mặt với làn sóng nhập khẩu có tác động rất tiêu cực đến hiệu quả kinh tế của ngành. Hơn nữa, yêu cầu của các nguyên đơn còn bao gồm các ví dụ liên quan đến những điều chỉnh về hoạt động sản xuất do các nhà sản xuất của EU thực hiện. Ủy ban cho rằng thông tin được cung cấp, bao gồm các nguồn và bằng chứng hỗ trợ, tạo thành cơ sở đầy đủ để bắt đầu một cuộc điều tra.

## (2) Phạm vi và mục tiêu điều tra

Theo Điều 19 của Quy định (EU) 2015/478 và Điều 16 của Quy định (EU) 2015/755, thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ có thể được gia hạn. Để xác định liệu việc gia hạn như vậy có được bảo đảm hay không, Ủy ban tiến hành điều tra theo Điều 5 của Quy định (EU) 2015/478 và Điều 3 của Quy định (EU) 2015/755 tương ứng.

Trong quá trình điều tra, Ủy ban sẽ tập trung đánh giá, trước hết là vào việc liệu biện pháp tự vệ có tiếp tục cần thiết để ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng hay không và liệu

có bằng chứng cho thấy các nhà sản xuất của EU đang điều chỉnh hoạt động của họ, hoặc tác động của việc kéo dài các biện pháp đến lợi ích của EU. Cơ quan điều tra cũng sẽ xác định thời hạn gia hạn phù hợp (nếu có).

Trong trường hợp Ủy ban kết luận rằng biện pháp tự vệ cần được kéo dài, cuộc điều tra cũng sẽ đánh giá xem liệu có cần thiết phải điều chỉnh kỹ thuật đối với hoạt động của biện pháp này hay không.

Ủy ban sẽ tập trung vào các khía cạnh sau:

(i) Phân bổ và quản lý hạn ngạch thuế quan: Ủy ban sẽ phân tích diễn biến và mô hình sử dụng hạn ngạch thuế quan ('TRQ') và những nhận xét mà các bên có thể đưa ra về mặt đó. Trên cơ sở đó, sẽ xác định liệu bất kỳ sự điều chỉnh nào do hoàn cảnh thay đổi có thể đảm bảo vì lợi ích của EU hay không.

(ii) Tác động đến các luồng thương mại truyền thống: Ủy ban dự định xem xét liệu có cần thiết phải điều chỉnh cụ thể hay không do tác động quá mức của TRQ đối với các luồng thương mại truyền thống, bao gồm cả cơ chế tiếp cận TRQ còn lại trong quý cuối cùng của giai đoạn.

(iii) Cập nhật danh sách các quốc gia Thành viên WTO đang

phát triển được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng các biện pháp dựa trên mức nhập khẩu gần đây nhất của họ

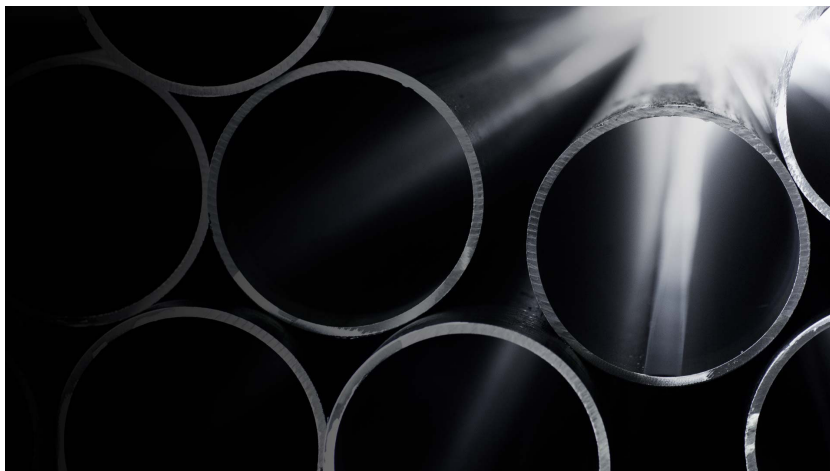
Theo Điều 18 của Quy định EU 2015/478(5), không có biện pháp tự vệ nào có thể được áp dụng đối với sản phẩm có nguồn gốc từ một quốc gia đang phát triển là thành viên của WTO miễn là thị phần hàng nhập khẩu liên quan từ quốc gia đó vào EU không vượt quá 3%, và tổng thị phần của các thành viên WTO là các nước đang phát triển của WTO không vượt quá 9% tổng lượng nhập khẩu sản phẩm liên quan của EU.

Do đó, trong cuộc điều tra rà soát, Ủy ban sẽ xem xét liệu nhập khẩu từ một Thành viên WTO đang phát triển có vượt ngưỡng 3% trong giai đoạn liên quan điều tra (cụ thể là năm 2023)(6) hay không và, nếu cần thì sẽ cập nhật danh sách các nước đang phát triển là thành viên WTO được bao gồm hoặc loại trừ khỏi phạm vi của biện pháp này.

(iv) Mức độ tự do hóa: Ủy ban sẽ đánh giá, dựa trên bằng chứng do các bên quan tâm đệ trình, liệu bất kỳ sự điều chỉnh nào đối với mức độ tự do hóa hiện đang áp dụng, tức là 4%, có hợp lý hay không.

(v) Những thay đổi khác về hoàn cảnh có thể yêu cầu điều chỉnh mức hoặc phân bổ hạn ngạch thuế quan

Ủy ban sẽ xem xét liệu có những yếu tố nào khác cần được xem xét hay không. Các bên quan tâm cũng được mời nêu ra bất kỳ vấn đề nào khác không thuộc các phần A-D ở trên trong phạm vi liên quan đến những thay đổi lâu



5 [OJ L83, 27.03.2015, p.16.](#)

6 Cả năm dương lịch (dữ liệu đầy đủ về nhập khẩu sẽ có trong quá trình điều tra).

dài về hoàn cảnh so với tình huống phổ biến trong cuộc điều tra ban đầu - những tác động của chúng có thể cần được xem xét và có thể biện minh, ngoài những điều khác., điều chỉnh mức hoặc phân bổ hạn ngạch thuế quan cho các danh mục sản phẩm cụ thể. Các bên quan tâm muốn nêu ra các vấn đề bổ sung được yêu cầu cung cấp đầy đủ bằng chứng chứng minh nội dung đệ trình của họ, cũng như các đề xuất cụ thể về cách giải quyết mọi diễn biến ảnh hưởng đến danh mục sản phẩm.

### (3). Sản phẩm đang bị điều tra

Sản phẩm bị điều tra bao gồm một số sản phẩm thép được liệt kê dưới đây:

Số sản phẩm	Danh mục sản phẩm
1	Tấm và dải cán nóng không hợp kim và hợp kim khác
2	Tấm cán nguội không hợp kim và hợp kim khác
3.A	Tấm điện (trừ GOES)
3.B	
4.A	
4.B	Tấm tráng kim loại
5	Tấm tráng hữu cơ
6	Sản phẩm máy nghiền thối
7	Tấm Quarto không hợp kim và hợp kim khác
8	Tấm và dải cán nóng không gỉ
9	Tấm và dải cán nguội không gỉ
10	Tấm Quarto cán nóng không gỉ
12	Thanh và phần nhẹ không hợp kim và hợp kim khác
13	Cốt thép
14	Thanh thép không gỉ
15	Thanh dây không gỉ
16	Thanh dây không hợp kim và hợp kim khác
17	Các góc, hình dạng và mặt cắt của sắt hoặc thép không hợp kim
18	Cọc ván

19	Vật liệu đường sắt
20	Ống ga
21	Phần rỗng
22	Ống và tuýp không gỉ liền mạch
24	Ống liền mạch khác
25.A	Ống hàn lớn
25.B	
26	Ống hàn khác
27	Thanh không hợp kim và hợp kim nguội khác
28	Dây không hợp kim

### (4). Thủ tục

Sau khi xác định rằng có đủ bằng chứng để **đánh giá**, Ủy ban bắt đầu điều tra để xác định xem có nên gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ hiện tại đối với một số sản phẩm thép hay không và liệu một số điều chỉnh nhất định đối với biện pháp này có hợp lý trong trường hợp kéo dài hay không.

4.1. *Trả lời bảng câu hỏi (chỉ dành cho các nhà sản xuất của EU)*

Để thực hiện đánh giá đúng đắn về sự cần thiết phải kéo dài thời hạn của biện pháp tự vệ hiện tại nhằm ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng, Ủy ban cho rằng cần phải thu thập dữ liệu cụ thể từ ngành thép của EU. Dữ liệu này bao gồm hiệu quả hoạt động của các chỉ số kinh tế và tài chính quan trọng trong giai đoạn 2022-2023<sup>(7)</sup> và các nội dung cần thiết khác. Mẫu bảng câu hỏi liên quan có sẵn tại: <https://tron.trade.ec.europa.eu/investigations/case-view?caseId=2717>

#### 4.2. Gửi bằng văn bản

Để có được tất cả thông tin liên quan được cho là cần thiết cho cuộc điều tra, các bên quan tâm, tức là các bên có mối liên hệ khách quan giữa hoạt động của họ và sản phẩm đang bị điều tra, được mời bày tỏ quan điểm của mình, gửi thông tin và cung cấp bằng chứng hỗ trợ cho Ủy ban bằng văn bản thông qua TRON.tdi (<https://tron.trade.ec.europa.eu/tron/TDI>). Xem Phần 4.6 để biết thêm chi tiết.

Các bên liên quan cung cấp thông tin và đưa ra **lập luận của mình theo các nội dung sau**:

<sup>7</sup> Ủy ban cũng sẽ đánh giá hiệu quả hoạt động của ngành Liên minh trong những năm này với thông tin được thu thập trong các cuộc điều tra trước đây của những năm trước.

Liệu các biện pháp có tiếp tục cần thiết để ngăn ngừa và khắc phục thương tích nghiêm trọng hay không và tại sao;

Cân nhắc lợi ích của nghiệp đoàn;

Khác

4.3. Nhận xét, bình luận về thông tin của các bên khác

**Để đảm bảo quyền bào chữa, các bên quan tâm phải có khả năng bình luận về thông tin do các bên quan tâm khác đệ trình. Nhưng các bên quan tâm chỉ có thể giải quyết các vấn đề được nêu trong báo cáo của các bên quan tâm khác và không được nêu ra các vấn đề mới. Khi bác bỏ, các bên quan tâm nên nêu cụ thể (các) nhận xét của bên nào mà họ đang bác bỏ và tuân theo cấu trúc của các tiêu đề nêu trên.**

Ủy ban sẽ thông báo hợp lệ cho các bên quan tâm, thông qua TRON, khi giai đoạn thứ hai của thủ tục bằng văn bản này được kích hoạt.

Quyền truy cập vào tệp có sẵn để kiểm tra dành cho các bên quan tâm được thực hiện thông qua Tron.tdi tại địa chỉ sau: <https://tron.trade.ec.europa.eu/tron/TDI>.

Khung thời gian được vạch ra không ảnh hưởng đến quyền của Ủy ban trong việc yêu cầu thông tin bổ sung từ các bên quan tâm trong các trường hợp hợp lý.

#### 4.4. Khả năng điều trần

Tất cả các bên quan tâm có thể yêu cầu cơ quan điều tra của Ủy ban lắng nghe ý kiến điều trần ọ. Mọi yêu cầu điều trần phải được lập bằng văn bản trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng Thông báo này trên Tạp chí Chính thức của Liên minh châu

**Âu và phải nêu rõ lý do đặc biệt cho yêu cầu đó cũng như bản tóm tắt nội dung mà bên quan tâm muốn thảo luận tại phiên điều trần. .**

**Tuy nhiên, các bên quan tâm được thông báo rằng do cần phải hoàn thành cuộc điều tra và đưa ra quyết định chậm nhất là vào ngày 30 tháng 6 năm 2024.** Do số lượng các bên quan tâm có thể sẽ lớn nên để đảm bảo họ có đủ cơ hội để bảo vệ và bày tỏ quan điểm của mình, Ủy ban dự định thực hiện cuộc điều tra dưới dạng văn bản mà không tổ chức các phiên điều trần bằng miệng trừ khi các bên quan tâm có thể chứng minh rằng có một ý kiến đặc biệt, cần được nghe bằng miệng.

4.5. Việc gửi thông tin và gia hạn thời hạn quy định tại Thông báo này

Theo quy định, các bên quan tâm chỉ có thể gửi thông tin trong khung thời gian được chỉ định trong Thông báo này. Bất kỳ sự gia hạn nào đối với thời hạn quy định trong Thông báo này chỉ có thể được yêu cầu trong những trường hợp đặc biệt và sẽ chỉ được chấp thuận nếu có lý do chính đáng. Các phần mở rộng đặc biệt hợp lý hợp lý đến thời hạn nộp hồ sơ thường sẽ được giới hạn tối đa là 3 ngày nữa.

4.6. Hướng dẫn gửi thông tin bằng văn bản và gửi bảng câu hỏi và thư từ đã điền đầy đủ

Thông tin được gửi tới Ủy ban nhằm mục đích tiến hành thủ tục phòng vệ thương mại sẽ không có bản quyền và **không phải là dạng thông tin bí mật** (trừ khi có yêu cầu xử lý bí mật và được dán nhãn “Nhạy cảm”. Các bên quan tâm, trước khi gửi cho Ủy ban thông tin và/hoặc dữ liệu thuộc bản quyền của bên thứ

ba, phải yêu cầu sự cho phép cụ thể của chủ bản quyền cho phép Ủy ban: (a) sử dụng thông tin và dữ liệu cho mục đích của thủ tục phòng vệ thương mại này và (b) cung cấp thông tin và/hoặc dữ liệu cho các bên quan tâm đến cuộc điều tra này theo hình thức cho phép họ thực hiện quyền bào chữa của mình.

Tất cả các đệ trình bằng văn bản do các bên quan tâm cung cấp mà yêu cầu xử lý bí mật sẽ được dán nhãn ‘Nhạy cảm’<sup>(8)</sup>. Các bên gửi thông tin trong quá trình điều tra này được mời đưa ra lý do yêu cầu xử lý bí mật của họ.

Các bên cung cấp thông tin ‘Nhạy cảm’ được yêu cầu cung cấp các bản tóm tắt không bí mật theo Điều 8 của Quy định EU 2015/478 (9) và Điều 5 của Quy định EU 2015/755 (10), sẽ được gắn nhãn ‘Để kiểm tra bởi các bên quan tâm’. Những bản tóm tắt đó phải đủ chi tiết để có thể hiểu hợp lý nội dung của thông tin được gửi bảo mật và phải gửi đến Ủy ban cùng lúc với phiên bản tài liệu “nhạy cảm”.

Nếu một bên cung cấp thông tin bí mật không đưa ra được lý do chính đáng cho yêu cầu xử lý bí mật hoặc không cung cấp bản tóm tắt không bí mật về thông tin đó theo hình thức và chất lượng được yêu cầu thì Ủy ban có thể được chứng minh thỏa đáng từ các nguồn thích hợp rằng thông tin là chính xác.

## ĐINH BẢO LINH

<sup>8</sup> Tài liệu ‘nhạy cảm’ là tài liệu được coi là bí mật theo Điều 8 của Quy định (EU) 2015/478, Điều 5 của Quy định (EU) 2015/755 và Điều 3.2 của Hiệp định WTO về các biện pháp tự vệ. Đây cũng là tài liệu được bảo vệ theo Điều 4 của Quy định (EC) số 1049/2001 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (OJ L 145, 31.5.2001, trang 43).





## **Hoa Kỳ khởi xướng rà soát hành chính về chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp, tháng 3/2024**



**Các từ viết tắt trong bài viết**

- + DOC: Bộ Thương mại Hoa Kỳ
- + AD: Chống bán phá giá
- + CVD: Chống trợ cấp
- + POR: Thời kỳ rà soát
- + CBP: Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ

**Theo Thông báo liên bang ngày 5/3/2024<sup>(1)</sup>, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã nhận được yêu cầu tiến hành rà soát hành chính đối với nhiều lệnh áp dụng thuế chống bán phá giá (AD) và thuế chống trợ cấp (CVD) hiện có.**

Theo 19 CFR 351.221(c)(1)(i), DOC đang bắt đầu rà soát hành chính đối với các lệnh AD và CVD sau đây. Kết quả cuối cùng của vụ việc rà soát này sẽ được công bố không muộn hơn ngày 31 tháng 01 năm 2025.

Danh sách các lệnh AD và CVD được rà soát cụ thể như sau:

1 <https://www.federalregister.gov/documents/2024/03/05/2024-04540/initiation-of-antidumping-and-countervailing-duty-administrative-reviews>

Vụ việc, mã số vụ việc và các công ty có thể đề nghị áp dụng mức tỷ lệ riêng

POR-Thời gian rà soát (thời gian mà số liệu được sử dụng cho điều tra)

**I. Các vụ chống bán phá giá (AD)**

CANADA: Softwood Lumber A-122-857 (Mặt hàng gỗ xẻ mềm), với các doanh nghiệp sau đây:

1/1/23-  
12/31/23

0752615 B.C.  
Ltd.; Fraserview  
Remanufacturing Inc.;  
Fraserview Cedar  
Products.

10104704 Manitoba Ltd;  
Woodstock Forest Product

1074712 BC Ltd.; Quadra  
Cedar



Vụ việc, mã số vụ việc và các công ty có thể đề nghị áp dụng mức tỷ lệ riêng	POR-Thời gian rà soát (thời gian mà số liệu được sử dụng cho điều tra)
5214875 Manitoba Ltd. ...và các công ty khác	
ĐỨC: Khối đầu chất lỏng bằng thép rèn, A-428-847 GERMANY: Forged Steel Fluid End Blocks, A-428-847	1/1/23- 12/31/23
BGH Edelstahl Siegen GmbH	
ẤN ĐỘ: Sợi kết cấu polyester, A-533-885 INDIA: Polyester Textured Yarn, A-533-885	1/1/23- 12/31/23
AYM Syntex Ltd.	
Ý: Khối đầu chất lỏng bằng thép rèn, A-475-840 ITALY: Forged Steel Fluid End Blocks, A-475-840	1/1/23- 12/31/23
Lucchini Mamé Forge S.p.A.	
Cogne Acciai Speciali S.p.A.	
ST9 Gas + Oil, LLC	
NAM PHI: Ferrovandium, A-791-815 SOUTH AFRICA: Ferrovandium, A-791-815	1/1/23- 12/31/23
Bushveld Minerals Limited	
Bushveld Vanchem	
Glencore South Africa	
Rhovan-Bakwena Vanadium Venture	
THÁI LAN: Dây thép bê tông dự ứng lực, A-549-820 THAILAND: Prestressed Concrete Steel Wire Strand, A-549-820	1/1/23- 12/31/23

Vụ việc, mã số vụ việc và các công ty có thể đề nghị áp dụng mức tỷ lệ riêng	POR-Thời gian rà soát (thời gian mà số liệu được sử dụng cho điều tra)
Siam Industrial Wire Co., Ltd.	
CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG QUỐC: Một số sản phẩm ván ép gỗ cứng, A-570-051	1/1/23- 12/31/23
Anhui Hoda Wood Co., Ltd.	
Arrow Forest International Co., Ltd	
Bizlink Technology Inc.	
BTR New Material Group Co., Ltd.	
Celtic Co., Ltd	
China Friend Limited	
Cosco Star International Co., Ltd.	
Dalian Sicily Wood Industry Co., Ltd.	
Eagle Industries Company Limited	
First Part Manufacturing Limited	
Fujian Yuansheng Wood., Ltd	
Fusong Jinlong Wooden Group Co., Ltd	
....và các công ty khác	
CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG QUỐC: Thuốc tím, A-570-001 THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA: Potassium Permanganate, A-570-001	1/1/23- 12/31/23



Vụ việc, mã số vụ việc và các công ty có thể đề nghị áp dụng mức tỷ lệ riêng	POR-Thời gian rà soát (thời gian mà số liệu được sử dụng cho điều tra)
Chongqing Changyuan Chemical Corporation Limited	
Chongqing Changyuan Group Limited	
Pacific Accelerator Limited	
CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG QUỐC: Nội thất phòng ngủ bằng gỗ, A-570-890 THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA: Wooden Bedroom Furniture, A-570-890	1/1/23-12/31/23
Dongguan Chengcheng Furniture Co., Ltd.	
Eurosa (Kunshan) Co., Ltd.	
Eurosa Furniture Co., (PTE) Ltd.RE	
Fine Furniture (Shanghai) Ltd.	
Golden Well International (HK), Ltd.	
Zhangzhou XMB Furniture Product Co., Ltd.	
Guangzhou Maria Yee Furnishings Ltd.	
Pyla HK Ltd.	
Maria Yee, Inc.	
Jiangmen Kinwai International Furniture Co., Ltd.	
Jiangmen Kinwai Furniture Decoration Co., Ltd.	
Jiangsu Xiangsheng Bedtime Furniture Co., Ltd.	

Vụ việc, mã số vụ việc và các công ty có thể đề nghị áp dụng mức tỷ lệ riêng	POR-Thời gian rà soát (thời gian mà số liệu được sử dụng cho điều tra)
Jiangsu Yuexing Furniture Group Co., Ltd.	
...và các công ty khác	
II. Các vụ chống trợ cấp (CVD)	
CANADA: Gỗ xẻ mềm, C-122-8584 CANADA: Softwood Lumber, C-122-858 <sup>4</sup>	1/1/23-12/31/23
0752615 B.C Ltd; Fraserview Remanufacturing Inc, dba Fraserview Cedar Products	
10104704 Manitoba Ltd O/A Woodstock Forest Products	
1074712 BC Ltd. (Quadra Cedar)	
5214875 Manitoba Ltd.; AM Lumber Brokerage	
54 Reman	
9224-5737 Quebec Inc. (aka A.G. Bois)	
...Và nhiều công ty khác	
ĐỨC: Khối đầu chất lỏng bằng thép rèn, C-428-848 GERMANY: Forged Steel Fluid End Blocks, C-428-848	1/1/23-12/31/23
BGH Edelstahl Siegen GmbH	
Schmiedewerke Groditz GmbH	

Vụ việc, mã số vụ việc và các công ty có thể đề nghị áp dụng mức tỷ lệ riêng	POR-Thời gian rà soát (thời gian mà số liệu được sử dụng cho điều tra)
<b>ẤN ĐỘ:</b> Khối cuối chất lỏng bằng thép rèn, C-533-894 <b>INDIA:</b> Forged Steel Fluid End Blocks, C-533-894	1/1/23-12/31/23

#### A. Finkl & Sons

Ellwood City Forge Company	
Ellwood National Steel Company	
Ellwood Quality Steels Company	
<b>Ý:</b> Khối đầu chất lỏng bằng thép rèn, C-475-841 <b>ITALY:</b> Forged Steel Fluid End Blocks, C-475-841	1/1/23-12/31/23
Forge Monchieri S.p.A	
Lucchini Mamé Forge S.p.A.	

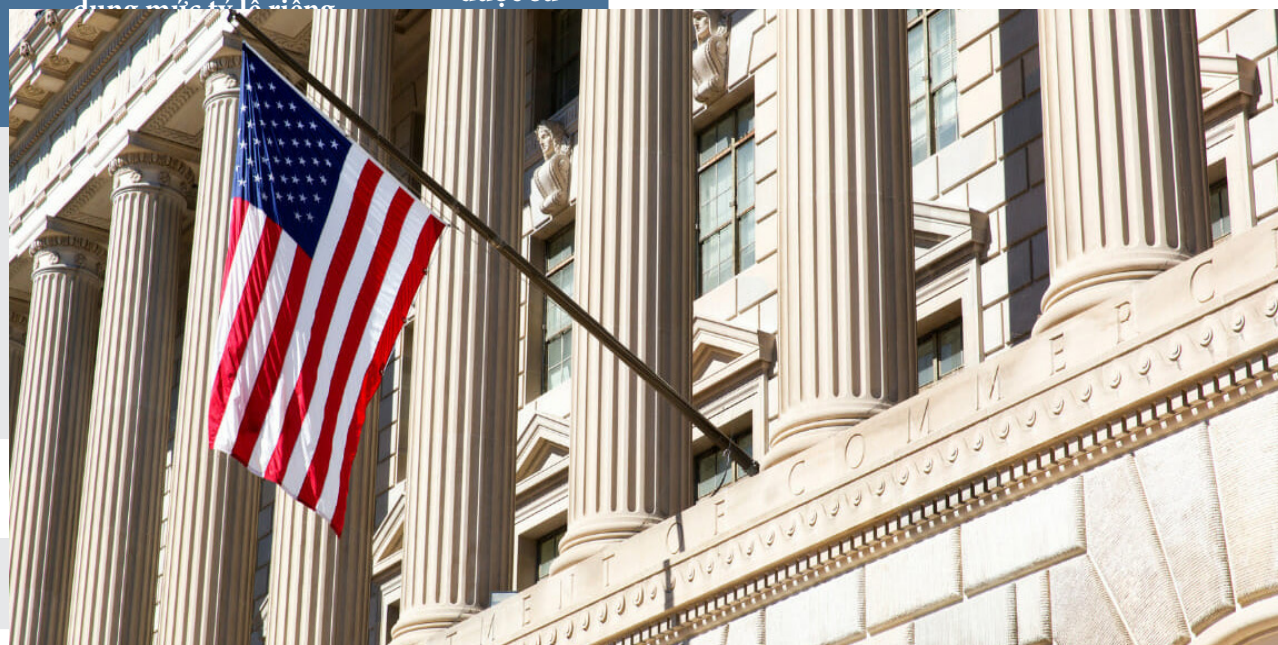
Vụ việc, mã số vụ việc và các công ty có thể đề nghị áp dụng mức tỷ lệ riêng	POR-Thời gian rà soát (thời gian mà số liệu được sử dụng cho điều tra)
--	--

Vụ việc, mã số vụ việc và các công ty có thể đề nghị áp dụng mức tỷ lệ riêng	POR-Thời gian rà soát (thời gian mà số liệu được sử dụng cho điều tra)
--	--

Golden Bridge Industries	
Govina Investment Joint Stock Company Greatwood Hung Yen Joint Stock Company	
Groll Ply and Cabinetry Co., Ltd.	
Huong Son Wood Group Co., Ltd.	
Lechenwood Viet Nam Company Limited	
Thang Long Wood Panel Company	

Nguồn: Bộ Thương mại Hoa Kỳ

Trong trường hợp Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) giới hạn số lượng bị đơn thẩm tra cá nhân đối với rà soát hành chính được thực hiện theo các yêu cầu được đưa ra đối với các lệnh được xác định ở bảng trên, ngoại trừ việc rà soát hành chính lệnh AD đối với đồ nội thất phòng ngủ bằng gỗ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc), DOC dự định





lựa chọn người trả lời dựa trên dữ liệu của Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ (CBP) đối với hàng nhập khẩu vào Hoa Kỳ trong thời kỳ rà soát (POR).

Các nhận xét liên quan đến dữ liệu CBP và việc lựa chọn người trả lời phải được gửi trong vòng bảy ngày sau khi đưa dữ liệu CBP vào hồ sơ đánh giá này. Các bên muốn gửi ý kiến phản bác phải gửi những ý kiến đó trong vòng năm ngày sau thời hạn nhận ý kiến ban đầu.

Trong trường hợp DOC quyết định cần hạn chế việc kiểm tra cá nhân người trả lời và tiến hành lựa chọn người trả lời theo Điều 777A(c)(2) của Luật Thuế xuất nhập khẩu năm 1930, đã được sửa đổi (Đạo luật), các hướng dẫn sau đây về việc giải thể các công ty mục đích lựa chọn người trả lời sẽ được áp dụng. DOC nhận thấy rằng các quyết định liên quan đến việc liệu các công ty cụ thể có nên bị “sụp đổ” hay không (ví

dụ được coi là một thực thể duy nhất cho mục đích tính toán tỷ lệ AD) yêu cầu một lượng lớn thông tin và phân tích chi tiết, thường yêu cầu các câu hỏi và phân tích tiếp theo. Theo đó, DOC sẽ không tiến hành phân tích thu gọn ở giai đoạn lựa chọn bị đơn của quá trình rà soát này và sẽ không thu gọn các công ty ở giai đoạn lựa chọn bị đơn trừ khi đã có quyết định thu gọn một số công ty nhất định trong phân đoạn trước của thủ tục AD này (ví dụ, điều tra, xem xét hành chính, xem xét người gửi hàng mới hoặc xem xét các trường hợp thay đổi). Đối với bất kỳ công ty nào chịu sự rà soát này, nếu DOC xác định hoặc tiếp tục coi công ty đó đã sụp đổ cùng với những công ty khác, Bộ Thương mại sẽ cho rằng các công ty đó tiếp tục hoạt động theo cách tương tự và sẽ đóng cửa chúng vì mục đích lựa chọn bị đơn. Nếu không, DOC sẽ không thu gọn các công ty vì mục đích lựa chọn bị đơn.

Các bên được yêu cầu (a) xác định những công ty thuộc đối tượng rà soát trước đây đã bị giải thể và (b) cung cấp trích dẫn về thủ tục tố tụng trong đó công ty đó bị giải thể. Hơn nữa, nếu các công ty được yêu cầu hoàn thành Bảng câu hỏi về Số lượng và Giá trị (Q&V) nhằm mục đích lựa chọn người trả lời thì nói chung, mỗi công ty phải báo cáo riêng dữ liệu về khối lượng và giá trị cho chính mình. Các bên không nên đưa dữ liệu của bất kỳ bên nào khác vào, ngay cả khi họ tin rằng họ nên được coi là một thực thể duy nhất với bên kia. Nếu một công ty bị sụp đổ cùng với một công ty khác hoặc các công ty trong giai đoạn hoàn thành gần đây nhất của thủ tục tố tụng này mà DOC đã xem xét việc đóng cửa thực thể đó, thì phải gửi dữ liệu Hỏi & Đáp đầy đủ về thực thể đó.

Lựa chọn người trả lời đối với vụ việc nội thất phòng ngủ bằng gỗ từ Trung Quốc:







Trong trường hợp DOC giới hạn số lượng người trả lời được thẩm vấn riêng lẻ trong quá trình rà soát hành chính lệnh AD đối với đồ nội thất phòng ngủ bằng gỗ từ Trung Quốc, cho mục đích từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, POR, DOC dự định chọn người trả lời dựa trên về khối lượng dữ liệu có trong các câu trả lời cho Bảng câu hỏi Hỏi & Đáp. Tất cả các bên đang được rà soát đều được thông báo rằng họ phải trả lời kịp thời Bảng câu hỏi hỏi đáp. Bảng câu hỏi Hỏi & Đáp của Thương mại, cùng với một số câu hỏi bổ sung nhất định, sẽ có sẵn trong gói tài liệu tại <https://access.trade.gov/Resources/prc-WBF-document-Package.pdf>.

Các câu trả lời cho Bảng câu hỏi Hỏi & V phải được nộp cùng với Đơn đăng ký tỷ giá riêng hoặc Chứng nhận tỷ giá riêng của người trả lời (xem phần Tỷ giá riêng bên dưới) và câu trả lời của họ cho các câu hỏi bổ sung và phải được DOC nhận được không muộn hơn 30 ngày sau khi công bố thông báo này.

Cần lưu ý rằng do những hạn chế về thời gian do thời hạn luật định và quy định áp đặt để hoàn thành các rà soát hành chính về AD, DOC không có ý định gia hạn bất kỳ thời gian nào đối với việc gửi câu trả lời cho Bảng Hỏi & Đáp.

Đối với các rà soát hành chính AD, DOC dự định hủy bỏ việc xem xét khi không có mục nào bị đình chỉ đối với một công ty hoặc tổ chức đang được xem xét và/hoặc khi không có mục nào bị đình chỉ theo số trường hợp cụ thể. Trong trường hợp có thể có các mục bị đình chỉ, nếu nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu có tên trong thông báo Khởi xướng này không có hoạt động xuất khẩu, doanh số bán hàng trong thời gian được rà soát, họ có thể thông báo cho DOC trong vòng 30 ngày kể từ ngày công bố thông báo này trong Đăng ký liên bang để DOC xem xét cách xử lý các mục bị đình chỉ theo mã số trường hợp cụ thể của công ty của nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu đó.

#### Thời hạn rút lại yêu cầu rà soát hành chính:

Theo 19 CFR 351.213(d)(1), bên đã yêu cầu rà soát lại có thể rút lại yêu cầu đó trong vòng 90 ngày kể từ ngày công bố thông báo bắt đầu yêu cầu rà soát lại. DOC có thể gia hạn thời gian này nếu làm như vậy là hợp lý. Các quyết định của DOC về việc gia hạn thời hạn 90 ngày sẽ được đưa ra tùy theo từng trường hợp cụ thể.

#### Thời hạn cáo buộc về tình hình thị trường cụ thể

Điều 504 của Đạo luật mở rộng ưu đãi thương mại năm 2015 đã sửa đổi Đạo luật bằng cách bổ sung khái niệm về tình hình thị trường cụ thể (PMS) cho các mục đích tạo ra giá trị theo mục 773(e) của Đạo luật.

Điều 773(e) của Đạo luật quy định rằng “nếu tồn tại một tình huống thị trường cụ thể mà chi phí nguyên vật liệu và chế tạo hoặc chế biến khác dưới bất kỳ hình thức nào không phản ánh chính xác chi phí sản xuất trong quá trình thương mại thông

thường, cơ quan quản lý có thể sử dụng phương pháp tính toán khác theo phụ đề này hoặc bất kỳ phương pháp tính toán nào khác.” Khi một bên quan tâm đệ trình cáo buộc PMS theo Điều 773(e) của Đạo luật, DOC sẽ phản hồi đệ trình đó phù hợp với 19 CFR 351.301(c)(2)(v). Nếu DOC nhận thấy rằng PMS tồn tại theo mục 773(e) của Đạo luật, thì DOC sẽ sửa đổi các tính toán bán phá giá của mình một cách thích hợp

Điều 773(e) của Đạo luật và 19 CFR 351.301(c)(2)(v) đều không đặt ra thời hạn cho việc nộp cáo buộc PMS và thông tin thực tế hỗ trợ. Tuy nhiên, để quản lý Điều 773(e) của Đạo luật, DOC phải nhận được các cáo buộc PMS và thông tin thực tế hỗ trợ với đủ thời gian để xem xét việc đệ trình. Do đó, nếu bên quan tâm muốn gửi cáo buộc PMS và hỗ trợ thông tin thực tế mới theo mục 773(e) của Đạo luật, thì bên đó phải thực hiện việc này không muộn hơn 20 ngày sau khi gửi câu trả lời ban đầu cho phần D của bảng câu hỏi.

#### Tỷ lệ riêng biệt

Trong các thủ tục tố tụng liên quan đến các quốc gia có nền kinh tế phi thị trường (NME), DOC bắt đầu bằng một giả định có thể bác bỏ rằng tất cả các công ty nội địa của nước đó đều chịu sự kiểm soát của chính phủ sở tại và do đó, phải được ấn định một mức tỷ lệ chống bán phá giá duy nhất. Chính sách của DOC là ấn định cho tất cả các nhà xuất khẩu hàng hóa phải chịu rà soát hành chính ở một quốc gia NME mức thuế suất duy nhất này trừ khi nhà xuất khẩu có thể chứng minh rằng họ đủ độc lập để được hưởng mức thuế suất riêng.

Để xác định liệu một công ty có đủ độc lập trước sự kiểm soát của chính phủ đối với các hoạt động xuất khẩu của mình để được hưởng mức thuế suất riêng biệt hay không, DOC sẽ phân tích từng thực thể xuất khẩu hàng hóa bị điều chỉnh. Theo các tiêu chí về tỷ lệ riêng biệt, DOC chỉ ấn định các mức giá riêng biệt cho các công ty trong các trường hợp NME nếu người trả lời có thể chứng minh được không tồn tại kiểm soát của chính phủ đối với hoạt động xuất khẩu ở cả hai khía cạnh là theo luật pháp và theo thực tế.

Tất cả các công ty được liệt kê ở bảng trên đủ điều kiện để có được trạng thái mức giá riêng biệt trong quá trình xem xét hành chính liên quan đến các quốc gia NME phải hoàn thành, Đơn đăng ký tỷ lệ riêng biệt hoặc Chứng nhận, như được mô tả bên dưới. Ngoài ra, tất cả các công ty muốn đủ điều kiện để có được tỷ lệ riêng biệt trong quá trình xem xét hành chính đối với lệnh AD đối với đồ nội thất phòng ngủ bằng gỗ từ Trung Quốc, phải hoàn thành Đơn đăng ký hoặc Chứng nhận tỷ lệ riêng biệt, đồng thời trả lời các câu hỏi bổ sung và Bảng câu hỏi hỏi đáp tại <https://access.trade.gov/Resources/prc-WBF-document-Package.pdf>.

Đối với các đánh giá hành chính này, để chứng minh khả năng đủ điều kiện đánh giá riêng biệt, DOC yêu cầu các thực thể được yêu cầu đánh giá, đã được chỉ định một đánh giá riêng biệt trong phân đoạn gần đây nhất của thủ tục tố tụng này mà họ tham gia, phải chứng nhận rằng họ tiếp tục đáp ứng các yêu cầu đánh giá hành chính này. Biểu mẫu Chứng nhận Tỷ lệ riêng biệt có trên trang web của Thương mại tại <https://access.trade.gov/>

[Resources/nme/nme-sep-rate.html](https://access.trade.gov/Resources/nme/nme-sep-rate.html) vào ngày công bố thông tin này.

Để phản hồi chứng nhận, vui lòng làm theo “Hướng dẫn nộp chứng nhận” trong Chứng nhận tỷ lệ riêng biệt. Chứng nhận Tỷ lệ riêng biệt sẽ được gửi đến DOC không muộn hơn 30 ngày theo lịch sau khi công bố thông tin này.

Đối với việc rà soát hành chính lệnh AD đối với đồ nội thất phòng ngủ bằng gỗ từ Trung Quốc, Chứng nhận mức giá riêng biệt cũng như câu trả lời cho các câu hỏi bổ sung và Bảng câu hỏi hỏi đáp trong gói tài liệu sẽ phải nộp cho DOC chậm nhất là 30 ngày theo lịch sau khi ban hành.

Thời hạn và yêu cầu nộp Chứng nhận Tỷ lệ riêng biệt áp dụng như nhau cho các công ty thuộc sở hữu của NME, công ty 100% vốn nước ngoài và người bán nước ngoài mua và xuất khẩu hàng hóa sang Hoa Kỳ.

## **ĐINH BẢO LINH**

# TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO

## NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

1. Tổ chức, xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về phòng vệ thương mại;
2. Xây dựng, vận hành và quản lý mạng thông tin điện tử và các trang thông tin điện tử của Cục;
3. Phát triển các hoạt động dịch vụ thông tin phục vụ yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Cục trưởng;
4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong, ngoài Cục biên tập, phát hành các ấn phẩm định kỳ giới thiệu, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chính sách có liên quan về lĩnh vực phòng vệ thương mại và các hoạt động khác của Cục.
5. Vận hành, duy trì và phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin của Cục;
6. Chủ trì công tác cảnh báo sớm các vụ việc chống bán phá giá đối với hàng Việt Nam xuất khẩu ra nước ngoài.
7. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Cục tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chính sách có liên quan đến phòng vệ thương mại;
8. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Cục tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác phòng vệ thương mại;
9. Tổ chức khảo sát, điều tra các lĩnh vực liên quan đến phòng vệ thương mại;
10. Tham gia hỗ trợ và phối hợp với các đơn vị thuộc Cục trong công tác nghiên cứu và phân tích thông tin theo chỉ đạo của Cục trưởng;
11. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thông tin về phòng vệ thương mại;
12. Tìm kiếm các nguồn hỗ trợ trong nước và quốc tế để thực hiện nhiệm vụ được giao;
13. Quản lý tổ chức, biên chế, tài chính và tài sản được giao theo quy định;
14. Theo dõi và cập nhật thường xuyên các mặt hàng có nguy cơ bị điều tra, áp thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp, các mặt hàng có nguy cơ bị lẩn tránh thuế.
15. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Cục trưởng và theo quy định của pháp luật.





BỘ CÔNG THƯƠNG  
**CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI**